

Tính thống nhất của tri thức như là nền tảng cho triết lý giáo dục khai phóng theo John Henry Newman

The Unity of Knowledge as the Foundation of Liberal Education Philosophy According to John Henry Newman

Joseph Trần Xuân Mỹ^{1*}, S.J.

¹Học Viện Thánh Giuse Dòng Tên, Vietnam

*Email của tác giả liên hệ: xuanmysj@gmail.com

<https://doi.org/10.54855/csl.26618>

© Copyright (c) 2026 Trần Xuân Mỹ

Received: 01/01/2026

Revision: 01/05/2026

Accepted: 02/05/2026

Online: 02/05/2026

ABSTRACT

Keywords: Unity of Knowledge, Liberal Education, John Henry Newman, Philosophy of Education, Intellectual Formation

This article examines John Henry Newman's philosophy of liberal education, with particular emphasis on the "unity of knowledge" as the philosophical foundation of higher education. Drawing on Aristotle's metaphysics of the unity of being, the author argues that knowledge, like reality itself, possesses an intrinsic unity despite being expressed through diverse academic disciplines. For Newman, knowledge is not merely instrumental or utilitarian; rather, it has value in itself and contributes to the cultivation and enlargement of the human mind. Through the metaphor of the "circle of knowledge," the article shows that each academic discipline has its own legitimate role in approaching truth, yet it must be harmoniously connected with other fields of knowledge. Thus, liberal education aims to form a comprehensive intellect, philosophical thinking, and a humanistic character.

Tóm Tắt

Từ khoá: Tính nhất thể của tri thức, Giáo dục khai phóng, John Henry Newman, Triết học giáo dục, Sự đào tạo trí năng

Bài viết phân tích tư tưởng giáo dục khai phóng của John Henry Newman, đặc biệt nhấn mạnh "tính thống nhất của tri thức" như nền tảng triết học cho giáo dục đại học. Dựa trên siêu hình học của Aristotle về tính thống nhất của hữu thể, tác giả cho rằng tri thức, cũng như thực tại, có sự thống nhất nội tại dù được biểu hiện qua nhiều ngành học khác nhau. Theo Newman, tri thức không chỉ có giá trị công cụ hay thực dụng, mà còn mang giá trị tự thân, góp phần khai mở và đào luyện tâm trí con người. Thông qua hình ảnh "vòng tròn tri thức", bài viết cho thấy mỗi lĩnh vực học thuật đều có vị trí riêng trong việc tiếp cận chân lý, nhưng cần được liên kết hài hòa với các lĩnh vực khác. Từ đó, giáo dục khai phóng hướng đến việc hình thành trí tuệ toàn diện, tư duy triết học và nhân cách nhân văn.

Giới thiệu

Trong tiến trình phát triển của nhân loại, giáo dục luôn là mối quan tâm hàng đầu của con người ở mọi thời đại và nền văn hóa. Lịch sử đã chứng kiến sự ra đời của nhiều triết thuyết giáo dục khác nhau, từ tư tưởng vươn tới tri thức và hạnh phúc của Aristotle đến sự tự trị cá nhân trong giáo dục khai minh của Immanuel Kant. Tuy nhiên, một thực trạng phổ biến là xu hướng coi giáo dục như một công cụ thực dụng, nhắm đến việc sở đắc kỹ năng nghề nghiệp để đáp ứng nhu cầu xã hội, biến đại học thành nơi đào tạo chuyên môn thuần túy.

Đối diện với bối cảnh đó, John Henry Newman (1801-1890) đã đề xướng một triết lý giáo dục mang tính đột phá, đặt nền tảng trên "tính thống nhất của tri thức". Ông quan niệm giáo dục trước hết là sự giải phóng và giáo hóa tâm trí, giúp con người tìm thấy chính mình thay vì chỉ tìm thấy một nghề nghiệp. Với mong muốn khám phá những giá trị nhân văn sâu sắc và thiết lập nền tảng cho sứ mạng "học tập suốt đời", người viết chọn nghiên cứu đề tài này nhằm làm sáng tỏ tư tưởng của Newman và tính thời sự của nó trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

Bài viết tập trung khai phá triết lý của Newman thông qua việc phân tích các tác phẩm trọng yếu, đặc biệt là "*Ý niệm của một Đại học*" (*The Idea of a University*) cùng các văn bản liên quan trong thư viện điện tử Newman. Bằng các phương pháp tổng hợp, khái nghĩa bản văn, đối chiếu và bình giải, kết hợp với các nghiên cứu của những học giả khác, luận văn hướng đến một cái nhìn thấu đáo và khách quan về hệ thống tư tưởng của ông.

Nội dung chính của luận văn được triển khai qua hai luận điểm chính: (1) tính thống nhất của tri thức, và (2) sự áp dụng của nó vào triết thuyết giáo dục của Newman.

Phân Mở Đầu

Giới thiệu và lý do chọn đề tài

Tiến trình phát triển của con người từ những thời kỳ sơ khai tới hiện tại, từ lối sống nguyên thủy và đơn giản nhất cho tới những lối sống phức tạp nhất cho thấy một sự thật rằng bất cứ nơi nào con người sống cùng với nhau thì ở đó nảy sinh mối quan tâm về vấn đề giáo dục. ¹ "Ai trong chúng ta cũng hấp thụ một nền giáo dục, hoặc ít ra một hình thức giáo dục nào đó." ²

Giáo dục đã trở thành đề tài được suy tư qua nhiều thế hệ. Cho đến nay đã có nhiều triết thuyết giáo dục khác nhau từ Đông sang Tây.³ Các triết thuyết giáo dục thường ra đời dựa trên một quan điểm triết học, đạo đức, thế giới quan, hay tín ngưỡng nhất định nào đó⁴: Giáo dục của Aristotle (384- 322 BC) đặt nền trên quan điểm con người có xu hướng tự nhiên muốn vươn tới tri thức và hạnh phúc; Giáo dục khai minh theo Immanuel Kant (1724- 1804) kết tinh trong ý tưởng về sự tự trị của mỗi cá nhân. Ở một mức độ nào đó, có thể định nghĩa giáo dục như sau:

Danh từ Giáo dục (Education) vốn phát xuất từ chữ Educare trong tiếng Latin. Chữ E có nghĩa là out (lấy ra) và chữ ducare có nghĩa là to lead (dẫn dắt). Động từ Educare là dắt dẫn, hướng

¹ Cf. S.E. Frost, JR., Ph.D, *Những Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học*, trans. Đông Hương, Kiến Văn, (HN: Bách Khoa, 2008), 263

² Thích Nguyên Hồng, *Giáo Dục Học*, (HCM: Viện ĐH Vạn Hạnh), Ebook, 10

³ Bùi Văn Nam Sơn, *Trò Chuyện Triết Học 7- Các Bài về Giáo Dục*, (HCM: Cty Sách Thời Đại & Tri Thức, 2017), 20

⁴ Cf. Ibid., 19

dẫn để làm phát khởi ra những khả năng tiềm tại. Sự dắt dẫn này nhằm đưa con người từ không biết đến biết, từ xấu đến tốt, từ thấp kém đến đầy đủ tốt đẹp...⁵ Giáo dục trong nhiều ngôn ngữ Âu châu có nghĩa đen là tạo hình thể (formation), rèn tập thói quen tốt.⁶

Có ít là hai nguyên tắc cơ bản trong giáo dục: (i) Giáo dục là để đào tạo những công dân ngoan ngoãn theo một khuôn mẫu được chấp nhận và được quyết định mang tính xã hội; (ii) Giáo dục là sự phát triển của những con người tự do, là sự tiếp nối của bản chất bên trong của đứa trẻ?⁷

Phần lớn lịch sử nhân loại cho rằng, giáo dục là để sở đắc một công việc nhằm đáp ứng những nhu cầu của xã hội. Đã có những nguyên tắc về tính thực dụng trở nên chủ đạo trong giáo dục.⁸ Chẳng hạn, nền giáo dục đại học thường được nhìn nhận như là chỗ của giáo dục nghề nghiệp, chủ ý cung cấp những tri thức cần thiết để làm cho cá nhân phù hợp với một cách kiếm sống nào đó.⁹ Trái lại, khá nhiều quan điểm cho rằng giáo dục trước hết phải xem con người là “một chủ thể tuyệt đối”, đại học “không phải là nơi một thanh niên tìm thấy nghề của mình, mà là nơi anh ta tìm thấy chính mình” trước nhất.¹⁰

John Henry Newman (1801- 1890), triết gia đã dành phần lớn cuộc đời mình phục vụ cho sự nghiệp giáo dục tại Anh quốc và Ireland, được xem là người đầu tiên đưa ra những ý niệm về giáo dục đại học tại đây¹¹ đã thấu nhận và khởi phát ý niệm về nền giáo dục khai phóng đặt nền trên tính thống nhất của tri thức, nhắm chỉ đến giải phóng tâm trí con người.

Với nguyện vọng kiếm tìm những ý nghĩa nhân văn sâu xa của một nền giáo dục, ước mong thủ đắc những nền tảng tri thức cần thiết cho sứ mạng “học tập suốt đời” của bản thân, đồng thời kiếm tìm phương thế khả thể phục vụ con người hôm nay, người viết mạnh dạn khai phá những ý niệm giáo dục căn bản theo John Henry Newman. Hy vọng rằng, những nỗ lực của người viết trong luận văn này cũng sẽ giúp độc giả phần nào có cái nhìn rõ hơn về một nền giáo dục vị nhân sinh, cùng tính thời sự của nó trong một số bối cảnh phức tạp của đời sống hiện đại.

Phương pháp

Trong nỗ lực khai phá triết lý giáo dục của John Henry Newman, người viết tập chú vào những bản văn, tác phẩm được cho là thể hiện rõ nhất quan điểm của ông về giáo dục. Trước hết là tác phẩm thời danh “Ý niệm của một Đại học” (The Idea of a University)- một trong những triết tác về giáo dục phải được bảo tồn cách đặc biệt¹², chứa đựng hầu hết những quan điểm trọng yếu về giáo dục của ông. Ngoài ra, “Sự Vực Dậy và Phát Triển của Các Đại Học” (The Rise and Progress of Universities), “Một Tiểu Luận Về Sự Phát Triển Của Học Thuyết Công Giáo” (An Essay on the Development of Christian Doctrine), hay “Biện Hộ Cho Đời Mình” (Apologia Pro Vita Sua), và một số những tài liệu khác trong thư viện điện tử của John Henry Newman

⁵ Thích Nguyên Hồng, *op.cit.*, 12

⁶ Bùi Văn Nam Sơn, *op.cit.*, 62

⁷ Cf. S.E. Frost, JR., Ph.D, *op.cit.*, 263, 281

⁸ Cf. John Henry Newman, *The Idea of a University*, (Lon Don: Longman Green, 1886), 77

⁹ Cf. Fareed Zakaria, *Biện hộ cho một nền Giáo dục Khai phóng*, trans Châu Văn Thuận, (Hà Nội: Thời Đại & Hồng Đức, 2017), 14

¹⁰ Cf. *Ibid.*, 10, 20

¹¹ “Criticisms of the University of Oxford in the Early 19th Century and the Formation of Newman’s Idea of a University: Focusing on attacks in the Edinburgh Review,” Wang Chen, accessed January, 13, 2021 <http://doi.org/10.15027/42950>

¹² Cf. Sheridan Gilley, *Newman In His Age*, (London: Darton, Longman, and Todd, 2003), 380- 384

trên website: newmanreader.org cũng là những tham chiếu có giá trị. Bên cạnh đó, những bình giải, suy tư của của một số học giả khác về tư tưởng giáo dục của Newman là những trợ lực giúp người viết có một sự hiểu biết thấu đáo và mang tính khách quan hơn. Sau khi tiệt cận những tư tưởng “gốc” của tác giả bằng các phương pháp tổng hợp, khái nghĩa bản văn, đối chiếu, bình giải, người viết sẽ đưa ra một số phản tư.

Dàn bài

Bài viết tập trung vào hai luận điểm chính: (1) tính thống nhất của tri thức, và (2) áp dụng của nó lên triết thuyết giáo dục của Newman. Để thực hiện điều này, bài viết được chia thành bốn phần.

Phần mở đầu giới thiệu tổng quan về đề tài, điểm nhấn là bối cảnh hình thành nên tư tưởng giáo dục của Newman.

Chương I: Chỉ ra giá trị nội tại của từng lĩnh vực tri thức và mối liên hệ hỗ tương giữa các lĩnh vực tri thức khác nhau. Khởi đi từ những khả thể ảnh hưởng của Aristotle về tính thống nhất của hữu thể, lần lượt giá trị nội tại của tri thức và tính thống nhất của tri thức qua hình ảnh ẩn dụ vòng tròn tri thức sẽ được khai phá.

Chương II: Nhắm đến một nền giáo dục toàn diện cho tâm trí. Đặt nền trên tính thống nhất của tri thức, bản chất con người, ý niệm về giáo dục, bản chất của giáo dục đại học, và hình mẫu lý tưởng theo triết lý giáo dục của Newman sẽ lần lượt được khảo vấn.

Phần kết luận bao gồm những phản tư của người viết về khả thể đóng góp, một số bất cập, và triển vọng áp dụng của triết lý giáo dục theo Newman trong bối cảnh hiện nay.

Một triết lý giáo dục mang tính đột phá

John Henry Newman (1801- 1890) triết gia, thần học gia, một nhà giáo dục người Anh. Phần lớn cuộc đời ông cống hiến cho công cuộc giáo dục.¹³ Ông được xem như triết gia đầu tiên trình bày những diễn ngôn và chuẩn tắc về ý niệm của các đại học trong các nước nói tiếng Anh.¹⁴ Năm 1851- 1858, đang khi là Viện trưởng của Đại học Công giáo Ireland, Newman cho xuất bản tác phẩm *Ý Niệm Của Một Đại Học*- một tác phẩm có tầm ảnh hưởng lớn về giáo dục, nhất là với giáo dục đại học.¹⁵ So với những quan điểm giáo dục đương thời, triết lý giáo dục của Newman mang tính đột phá, là một sự tổng hợp đầy đủ đa chiều nhưng không kém phần độc sáng.¹⁶

Trong thời đại của Newman, tính duy lý (rationality) của thời đại Khai sáng trước đó vẫn còn có sức ảnh hưởng khá sâu rộng: Sức mạnh của tri thức cùng những nguyên lý của trường phái duy nghiệm (empirical disciplines) đang tác động lên hệ thống văn hoá, hệ thống giáo dục.¹⁷ Jonh Locke (1632- 1704) cho rằng giáo dục phải đặt nền trên những nguyên lý của chủ thuyết vị lợi (utilitarianism), tập chú trước hết đến việc cung cấp một ngành nghề cụ thể cho người

¹³ “Education In The Large Sense: Newman’s Vision Of Education,” Anne-Marie Walker, accessed January 13, 2021, <https://thornycroftHall.org.uk/education-in-the-large-sense-newmans-vision-of-education/>

¹⁴ Wangchen, *op.cit.*, 30

¹⁵ “Newman on Education,” Ian Ker, accessed January 12, 2021, <https://newmansociety.org/newman-on-education/>

¹⁶ Cf. Wang chen, *op.cit.*, 31

¹⁷ Cf. Lawler-Brunner, *On New Rhetoric, John Henry Newman and the Language of Metaphors: Implications for Branding Higher Education* (Doctoral dissertation, Duquesne University), 48

học.¹⁸ Vật chất trở nên thước đo cho thế giới và sự phát triển con người.¹⁹ Cùng với sự phát triển của khoa học thực nghiệm, chỉ những tri thức về thế giới bên ngoài được kiểm nghiệm bằng giác quan mới được cho là khả tín, dẫn đến những tri thức về tinh thần, siêu hình, cổ điển gần như đã bị coi nhẹ. Những tư tưởng hoài nghi cũng theo đó mà phát sinh, dẫn đến những ngờ vực về khả thể truy tìm chân lý tiềm tại nơi con người thông qua sức mạnh của trí tuệ.²⁰ Đối diện với những thực trạng đó, Newman đề xướng đường hướng giáo dục dựa trên sự hội nhất giữa sức mạnh nội tại của tâm trí và kinh nghiệm về thế giới ngoại tại.²¹

Triết lý giáo dục theo Newman được cấu thành sau một loạt những cuộc tranh luận cả trong nội bộ lẫn bên ngoài đại học Oxford trong khoảng 50 năm. Phản tư thực trạng giáo dục ngang qua những cuộc tranh luận dưới lăng kính một hình thái triết học (a philosophical form)²², Newman phát khởi triết lý giáo dục của riêng ông. Thời đó, các nhà phê bình trên tạp chí *Edinburgh Review*²³ đã chỉ trích đại học Oxford về một số điểm chính: (1) Sự xung khắc nhau giữa các chuyên khoa trong đại học Oxford; (2) Tính phi thực tiễn (inutility) trong chương trình giảng dạy.²⁴ Những nhà biện hộ cho Oxford đáp lại, tuy giáo dục ở đây không phải là tốt nhất, nhưng là hệ thống giáo dục vì lợi ích của giáo dục, nhắm chỉ đến việc thăng tiến nhân cách con người hơn là vì những mục đích thực tiễn.²⁵ Đứng trước những tranh cãi trên, Newman đã tạo lập con đường trung dung (via media) kết hợp cả hai khía cạnh thực tiễn và thăng tiến nhân cách đặt nền trên hình thái triết học mới là tính thống nhất của tri thức.²⁶

Một số học giả nhìn nhận tư tưởng về giáo dục của Newman không hoàn toàn nguyên bản (completely original)²⁷. Tuy nhiên không thể phủ nhận rằng Newman đã phát triển một phương pháp để cân bằng những sự tiếp cận khác nhau khi ông tổng hợp các ý kiến trái chiều: Ông chủ động trong việc khước từ hay tiếp nhận những quan điểm khác nhau để thích ứng nó vào cấu trúc tư tưởng của ông nhằm đưa ra một sự khái quát triết học mới dựa trên bối cảnh của thời đại, từ đó trình bày những quan điểm về giáo dục đại học bằng những tư tưởng sáng tạo và có hệ thống.²⁸

Tính Thống Nhất Của Tri Thức

Trước những biến động trong tư tưởng giáo dục đương thời, với quan sát bén nhạy và ưu tư cho giáo dục, Newman đã đóng vai trò như một nhà tư tưởng hoà giải. Ông thấu nhận, tuyển chọn, tái thiết và khởi phát hình thái triết học mới là tư tưởng về tính thống nhất của tri thức. Khuôn đúc theo đặc tính thống nhất của hiện hữu, tính thống nhất của tri thức được hiểu theo đúng nghĩa đen của hạn từ “uni-verse”, tức biểu lộ sự thống nhất nền tảng dưới và ngang qua vô số

¹⁸ Cf. John Henry Newman, *op.cit.*, 160

¹⁹ Marchetto, *Religious Education and John Henry Newman's Idea of a University*. *Italian Journal of Sociology of Education*, 7(3), 187-214. doi: 10.14658/pupj-ijse-2015-3-8, 189

²⁰ Lawler-Brunner, *op.cit.*, 49

²¹ *Ibid.*, 47

²² John Henry Newman, *op.cit.*, 2

²³ Được thành lập vào năm 1802 bởi Sidney Smith, Francis Jeffrey, Henry Brougham, and Francis Horner. Bốn người này bất mãn với bầu khí chính trị và truyền thống của đảng viên Bảo thủ đang thịnh hành tại Edingburgh (Scotland) và Anh quốc. Họ mục lấy những nguồn mạch tư tưởng từ thế kỷ XVIII, Phục Hưng Scotland và Khai sáng; định hình những ý kiến khai phóng và khoa học, phê phán các vấn đề chính trị, tôn giáo, luật, kinh tế và giáo dục rộng lớn. (Cf. Wang Chen, *op.cit.*, 14)

²⁴ Cf. Wang Chen, *op.cit.*, 17

²⁵ *Ibid.*, 12

²⁶ *Ibid.*, 20

²⁷ *Ibid.*, 30

²⁸ *Ibid.*

biểu hiện bên ngoài.²⁹ Có thể nói, toàn bộ những ý niệm của một đại học, ý niệm của một nền giáo dục khai phóng, được phát khởi và phụ thuộc vào ý niệm của Newman về đặc tính thống nhất của tri thức.³⁰

Như một dẫn luận: Căn bản về tính thống nhất của hữu thể theo Aristotle

Trong một vài tác phẩm của mình, Newman đã thừa nhận sự ảnh hưởng của Aristotle lên tư tưởng của mình: “Trong rất nhiều đề tài, suy xét đúng đắn là phải suy xét như Aristotle.”³¹ Nền tảng tri thức luận trong lý thuyết về giáo dục khai phóng của Newman được bện rế trong siêu hình học của Aristotle.³² Do đó, sẽ là cần thiết khi đề cập một vài quan điểm căn bản của Aristotle về tính thống nhất của hữu thể như là cửa ngõ đi vào tư tưởng của Newman.

Aristotle đưa ra 10 phạm trù của những sự vật tồn tại: bản thể, số lượng, chất lượng, tương quan, địa điểm, thời điểm, vị trí, hành động, sở hữu, và chịu ảnh hưởng.³³ Theo Aristotle, có bản thể chính yếu và những bản thể tùy phụ:

Bản thể chính yếu là một tổng thể sự vật, như một con người hay một con chó; Bản thể tùy phụ là đặc tính của sự vật, như là có lý trí hay lòng trung thành... Phần chính của sự hiện hữu theo Aristotle là bản thể chính yếu. Bản thể chính yếu là một thứ cụ thể, như là một con bò trên một cánh đồng, một con chó... Những bản thể tùy phụ là những nhóm mà bản thể chính yếu thuộc về, như là giống bò, giống chó hay cây trồng. Bản thể chính yếu có các tùy thể là những tính chất có thể thay đổi mà chúng ta gọi là thuộc tính chỉ có thể tồn tại trong chúng; ví dụ, cao, mập, lông hay xanh.³⁴

“Một hữu thể là một toàn bộ nào đó được cấu tạo bởi một bản thể chính yếu và một số tùy thể. Chúng đều là các yếu tố tạo nên một thể thống nhất, và không hiện hữu tách biệt nhau: Không tùy thể nào hiện hữu ngoài bản thể của nó, và không bản thể nào hiện hữu ngoài các tùy thể của mình.”³⁵ Theo Aristotle, mỗi một hữu thể có tính thống nhất nội tại³⁶, và duy nhất trong chính nó³⁷, “điều này không hàm ý rằng chỉ có một hữu thể duy nhất, nhưng có nghĩa rằng bất cứ điều gì hiện hữu thì tự nội thân là không phân chia, và có một tính thống nhất nào đó”.³⁸

²⁹ “Newman's Universe Of Knowledge: Science, Literature, And Theology,” Harold M. Petitpas, accessed January 20, 2021, https://dalspace.library.dal.ca/bitstream/handle/10222/59130/dalrev_vol46_iss4_pp494_507.pdf?sequence=1&isAllowed=y

³⁰ Ibid.,

³¹ John Henry Newman, *op.cit.*, 110

³² Cf. D. G. Mulcahy, *Newman's Theory of a Liberal Education: A Reassessment and its Implications*, <https://onlinelibrary.wiley.com/doi/abs/10.1111/j.1467-9752.2008.00624.x>, (truy cập ngày 05-03-2021)

³³ Aristotle, *Metaphysic*, trans. C.D.C Reeve (US: Hackett Publishing Company, 2016), 1034^b1 (5-10)- 1035^a

³⁴ Naomi Zack, Ph.D., *The Handy Philosophy Answer Book*, (Visible Ink Press, 2010), 36-37.

³⁵ Tomas Alvira, Luis Clavell, Tomas Melendo, *Siêu Hình Học*, trans. Bảo Ngọc O.P, (2008), Ebook, 40-43

³⁶ Aristotle, *op.cit.*, 1026^a15

³⁷ Ibid., 1038^b10

³⁸ Tomas Alvira et al, *op.cit.*, 111

Một hữu thể có thể được biểu đạt (instantiated) theo nhiều tùy thể khác nhau, hay tiếp diễn dưới nhiều dạng thức khác nhau nhưng tính thống nhất của nó vẫn được bảo toàn.³⁹ Cụ thể, mỗi hữu thể có thể được biểu đạt bằng nhiều phẩm tính, phạm trù khác nhau nhưng tất cả đều quy chiếu đến bản thể chính yếu của nó.⁴⁰ Giữa các phẩm tính hay phạm trù nhắm chỉ đến một bản thể đều có những mối tương quan hỗ tương, do đó, những tùy thể khác nhau của một hữu thể không huỷ hoại tính thống nhất của nó.

Bản thể chính yếu và các thành phần các tùy thể khác nhau tập kết với nhau để cấu thành sự toàn thể của một hữu thể không theo nghĩa là một sự chất đống (heap), tức là “nhiều yếu tố trang trí khác nhau được phối hợp để tạo nên một căn phòng”⁴¹. Trái lại, tính toàn thể nơi một hữu thể là điều gì đó vượt lên trên các thành phần.⁴² “Chỉ có một hữu thể theo nghĩa chặt, cụ thể là bản thể; tất cả những gì còn lại đều ‘thuộc bản thể’...Các tùy thể là những thực tại không đầy đủ, không tự trị được thêm vào một bản thể; chúng chỉ là những khía cạnh xác định của bản thể, vốn bổ túc cho bản thể, do đó không làm nảy sinh nhiều sự vật được xếp gần nhau.”⁴³

Mở rộng ra, “nhiều hữu thể thống nhất nội tại khả thể kiến tạo nên tính đa bội của hữu thể. Bất cứ đa bội nào cũng đều có một tính thống nhất nơi đó, vì những gì hiện hữu thì đều thống nhất theo cách nào đó. Vũ trụ là một ví dụ, số đông các hữu thể làm nên vũ trụ, có phần nào phản ảnh tính thống nhất của vũ trụ nơi hiện hữu của chúng.”⁴⁴ Ví dụ: con người phản ảnh trong chính bản tính của mình nhiều khía cạnh của một vũ trụ hết sức đa dạng.⁴⁵

Có thể nói, nền tảng tri thức luận của lý thuyết giáo dục khai phóng được bén rễ trong một số quan điểm siêu hình của Aristotle: Tri thức được hiểu như một sự lý giải về thực tại và có thể được xem xét như một toàn thể thống nhất rộng lớn vốn khả thể tri nhận bằng việc thấu nhận những thành phần riêng biệt của nó và những mối liên hệ giữa các thành phần.⁴⁶ Chẳng hạn, tri thức về con người khả thể tri nhận nhờ nghiên cứu các lĩnh vực thể lý, tâm lý, tâm linh trong mối tương quan hỗ tương.

Tri thức có giá trị tự thân (Knowledge its own end)

Trong *Ý Niệm Của Một Đại Học*, Newman cho rằng tự bản chất con người đã có lòng hiếu tri. Ông trích dẫn lời của Aristotle: bản chất con người được lôi kéo để mưu cầu tri thức.⁴⁷ Tri thức là “một trạng thái của tâm trí”,⁴⁸ “là điều kiện tất yếu của việc khai mở tâm trí”.⁴⁹ Tri thức là điều gì đó thuộc tâm trí (intellectual), thấu hiểu những gì nó lĩnh hội ngang qua giác quan; đảm nhận một quan điểm (view) về các sự vật; thấu nhận nhiều hơn những gì các giác quan truyền

³⁹ Aristotle, *op.cit.*, 1016^b25

⁴⁰ Ibid., 1003^a33-34

⁴¹ Tomas Alvira et al, *op.cit.*, 45

⁴² Aristotle, *op.cit.*, 1045^a8-10

⁴³ Tomas Alvira et al, *op.cit.*, 45

⁴⁴ Ibid., 115-116

⁴⁵ Cf. A. Dwight Culler, *The Imperial Intellect*, (New Haven: Yale University Press, 1955), 199

⁴⁶ D. G. Mulcahy, *op.cit.*,

⁴⁷ Cf. John Henry Newman, *op.cit.*, 104 và Aristotle, *op.cit.*, 980^a21

⁴⁸ John Henry Newman, *op.cit.*, 114

⁴⁹ Ibid.,129

tài; suy xét dựa trên những gì đang thấy và trong khi thấy, suy luận và khảo sát các sự vật với những ý niệm.⁵⁰

Đối tượng của mọi loại tri thức là chính chân lý (truth) vốn được giả thiết là các thực tại và những mối tương liên của chúng hướng về nhau. Những gì hiện hữu, khi được suy nghiệm bởi tâm trí con người hình thành nên một hệ thống rộng lớn hay những thực tại liên hợp (complex facts), và dĩ nhiên điều này được phân giải thành vô số những thực tại cụ thể, trở nên các thành phần của một toàn thể, có vô số những mối liên hệ của mỗi loại, của loại này với loại kia. Tri thức là sự thấu nhận của những thực tại này, dù trong chính nó, hay trong mối liên hệ và vị thế hỗ tương giữa chúng.⁵¹

Tri thức có triển vọng trở nên cùng đích trong chính nó, bất cứ tri thức thực thụ nào, đều là phần thưởng trong chính nó.⁵² Tri thức là “một trạng thái của tâm trí”⁵³, và vì sự giáo hoá (cultivation) tâm trí xứng đáng được tìm kiếm vì chính lợi ích của nó, nên có một tri thức đáng khao khát, đáng theo đuổi vì chính lợi ích của nó.⁵⁴ Tri thức cần được mưu cầu vì những gì nó là, chứ không phải những gì nó làm⁵⁵, ngụ ý, động lực cho sự mưu cầu tri thức không nên đặt nền tảng trên bất cứ điều gì ngoài chính nó.⁵⁶ Tự bản chất con người khao khát tri thức, mà tri thức vốn dĩ là một trong những trợ lực giúp con người thành toàn⁵⁷, do đó tự thân tri thức được xem là cùng đích trong chính nó.

Trong thực tế, tùy vào việc được sử dụng như một phương tiện hay như một cùng đích, tri thức sẽ lần lượt được gọi là tri thức hữu dụng (useful knowledge) và tri thức khai phóng (liberal knowledge).⁵⁸

Tri thức có thể phân giải chính nó thành một ngành nghề đặc thù và chấm dứt trong một tiến trình cơ giới, trong một kết quả hữu hình; Nhưng nó cũng có thể nài đến lý trí vốn chuyên tải nó và phân giải chính nó thành triết học⁵⁹... Theo đó có hai phương pháp giáo dục: một vươn tới cùng đích là triết học với những ý niệm đại thể, một vươn tới cùng đích là cơ giới nghiên cứu những vấn đề đặc thù và ngoại tại.⁶⁰

Khi được xem xét một cách chính xác và siêu nghiệm, tri thức tự nó là tốt (good) trước khi là một quyền lực (power) vì tri thức có cùng đích trong chính nó.⁶¹ Đó đó, tri thức không đơn thuần là một phương tiện cho một điều gì ngoài nó, hay là sự chuẩn bị cho một ngành nghề nào đó.⁶² Newman gọi đây là tri thức khai phóng. Cho dầu tri thức khai phóng được tri nhận như là một loại tri thức xứng hợp với người tự do hay là một tri thức tự nó là tự do (free), trong cả hai trường hợp đều không đề cập đến những lợi ích thực tiễn (practical issue).⁶³ Hạn từ “khai

⁵⁰ Ibid., 113

⁵¹ Ibid., 45

⁵² John Henry Newman, *op.cit.*, 103

⁵³ Ibid., 114

⁵⁴ Ibid.

⁵⁵ Ibid.

⁵⁶ Jaroslav Pelikan, *The Idea Of The University A Reexamination*, (New Haven and London: Yale University Press, 1992), 32- 40

⁵⁷ John Henry Newman, *op.cit.*, 79

⁵⁸ Cf. Ibid., 112

⁵⁹ Trước khi đi vào chi tiết, triết học ở đây tạm hiểu là một tình trạng tâm trí đã được giáo hoá, khả thể tri nhận bản chất của từng sự vật và mối tương liên hài hòa giữa chúng với các sự vật khác.

⁶⁰ John Henry Newman, *op.cit.*, 112

⁶¹ Ibid., 111- 112

⁶² John Henry Newman, *op.cit.*, 111- 112

⁶³ A. Dwight Culler, *op.cit.*, 213-214

phóng” không đơn thuần nhắm đến những hoạt động của tâm trí, đối nghịch với “nô lệ (servile)” thuộc các hoạt động thể xác nhưng ngụ ý “tri thức khai phóng có giá trị trong chính những kỳ vọng của nó, độc lập với mọi kết quả, mọi mong chờ, khước từ việc được cung cấp bởi bất cứ mục đích nào, không bị lôi cuốn vào bất cứ nghề nghiệp nào, ngõ hầu tự thể hiện chính nó cho sự suy nghiệm của con người.”⁶⁴ Ví dụ: Thiên văn học là tri thức khai phóng, vì trong chính nó có vẻ đẹp và đúng đắn của chân lý, có năng lực tái cấu trúc và tinh luyện tâm trí.⁶⁵ Newman tập chú vào năng lực của tri thức khả thể kiện toàn tâm trí của con người. Đó là năng lực “khai mở, luyện lọc, sửa dạy tâm trí, ngõ hầu trui rèn những tài năng của nó và trao cho nó quyền tự trị.”⁶⁶ Tri thức khai phóng có triển vọng giúp tâm trí thủ đắc năng lực này, và vì năng lực này là một trong những cùng đích của con người, nên có thể nói một cách đúng đắn rằng tri thức khai phóng có cùng đích trong chính nó, cần được mưu cầu vì chính lợi ích của nó.⁶⁷ Bên cạnh đó, Newman đề xướng tri thức hữu dụng, nhắm chỉ tới việc thi hành những thực tại bên ngoài chính nó, mang tính hướng nghiệp.⁶⁸ Chẳng hạn, Thiên văn học trở nên tri thức hữu dụng khi nhắm đến việc mưu cầu lợi ích thực dụng cho người sở đắc nó thay vì giáo hoá tâm trí, thưởng ngoạn vẻ đẹp và chân lý trong chính nó.

Các nhà phê bình đương thời cho rằng, tri thức khai phóng thiếu tính thực tiễn. Đối với Newman, tri thức khai phóng bao hàm cả tính hữu dụng, nghĩa là không chỉ có cùng đích trong chính nó, nhưng còn sản sinh những giá trị ngoại tại: Vì tri thức khai phóng là tốt (good) nên nó cũng hữu dụng.

Điều hữu dụng là khi được tìm kiếm không vì lợi ích của chính nó nhưng vì nó dẫn tới một điều gì khác, trái lại điều tốt không dẫn tới điều gì khác và được tìm kiếm đơn thuần vì chính lợi ích của nó. Có ít nhất ba lý do để khao khát một sự vật: vì nó hữu dụng, vì nó vừa hữu dụng vừa tốt, vì nó tốt. Newman đã đặt đề tri thức khai phóng vào loại thứ hai (vừa hữu dụng vừa tốt): nó được khao khát vì lợi ích của chính nó ngay cả khi nó không dẫn tới điều gì khác; nhưng trong thực tế nó lại đưa tới một điều gì đó khác. Tri thức hữu dụng rơi vào loại thứ nhất vì hữu dụng thì không luôn luôn tốt.⁶⁹

Newman không phủ nhận những ích lợi của tri thức hữu dụng, “cuộc sống khó có thể tiếp tục nếu không có những phúc lợi hằng ngày mà nó đem lại”.⁷⁰ Tuy nhiên, ông cảnh báo rằng nếu một tri thức quá chú trọng đến tính hữu dụng, nhắm tới những cái đặc thù thái quá sẽ không còn là tri thức nữa.⁷¹ Quả thật, tri thức đúng nghĩa luôn bao hàm đặc tính phổ quát- tương liên hài hoà giữa các tri thức khác nhau, chứ không dừng lại ở những tri thức đặc thù. Với việc tập chú vào giá trị tự thân của tri thức khai phóng, Newman hầu chắc đề nghị tri thức trước hết phải được thấu nhận trong giá trị tốt nội tại của nó chứ không vì một mục đích thực tiễn nào. Theo Newman, một chủ thể thường hành động, lý luận dựa trên những nguyên lý đầu tiên (first principles) vốn là nền tảng cho tất cả những luận lý, là những chỉ dẫn và tiêu chuẩn trong phán đoán, lý luận, suy xét, quyết định và hành động của chủ thể thủ đắc nó.⁷² Thiết nghĩ, Newman không muốn những chủ thể mưu cầu tri thức bị điều khiển bởi những nguyên lý đầu tiên là những nhu cầu thực dụng, trái lại, tri thức cần được mưu cầu trong sự tự do của chủ thể nhắm

⁶⁴ John Henry Newman, *op.cit.*, 106, 109

⁶⁵ A. Dwight Culler, *op.cit.*, 215

⁶⁶ John Henry Newman, *op.cit.*, 123

⁶⁷ A. Dwight Culler, *op.cit.*, 216

⁶⁸ John Henry Newman, *op.cit.*, 113

⁶⁹ A. Dwight Culler, *op.cit.*, 223

⁷⁰ John Henry Newman, *op.cit.*, 107

⁷¹ *Ibid.*, 112

⁷² Cf. “Lecture 7. Assumed Principles the Intellectual Ground of the Protestant View,” John Henry Newman, accessed March 10, 2021, <https://www.newmanreader.org/works/england/lecture7.html#top> Lecture 7

chỉ đến giá trị nội tại của tri thức, còn những hệ quả khác có thể sẽ đến như một điều tất thiết. Trong một ý nghĩa khác, Newman cho rằng, một khi tâm trí thấu nhận tri thức với năng lực có tính cấu thành (*formative power*), chủ động trong sự thoát ly với những nhu cầu thực tiễn, tâm trí sẽ được mở rộng và chủ thể được biến đổi từ tình trạng bị giam hãm sang một trạng thái tự do hơn với tầm nhìn rộng lớn hơn.⁷³

Trong chính nó tri thức là sự phản ánh vẻ đẹp của chân lý. Khi được thấu nhận trong tâm thể vượt lên trên những thúc bách của các nhu cầu thực tiễn, tự thân tri thức có sức năng khai mở tâm trí con người làm cho nó trở nên tự do. Vì hiệu năng tốt đẹp này, tri thức cũng làm phát sinh những giá trị hữu dụng kèm theo. Newman khẳng định quyết “đức hạnh (*virtue*) là con đẻ của tri thức” do đó, giáo dục một khi được tiến hành một cách đầy đủ sẽ cải biến xã hội trở nên đức độ.⁷⁴ Tri thức tự nó có triển vọng làm thỏa mãn khát khao chân lý trong bản tính con người, trước khi là phương tiện để biến đổi thế giới. Có thể nói, đó cũng chính là ý nghĩa chủ đạo của triết lý giáo dục theo Newman.

Vòng tròn tri thức (*The circle of knowledge*)

Theo Newman, đối tượng của tất cả các lĩnh vực tri thức là chính chân lý.⁷⁵ Việc mưu cầu tri thức đồng nghĩa với việc truy tìm chân lý.⁷⁶ Chân lý thì chỉ có một, nó không phải là một di sản của bất cứ cá nhân nào, là tuyệt đối và phổ quát, con người phải cùng nhau tìm kiếm và tuyên xưng nó.⁷⁷ Tuy chỉ có một nhưng chân lý lại được hiển lộ dưới nhiều hình thái khác nhau.

Giả thiết rằng thực tại tối cao thì chỉ có một, và tri thức về thực tại này cũng chỉ có một. Giả như tri thức này được phân tách thành các tri thức khác biệt nhau, cũng chỉ là thuận tiện cho việc khảo sát phù hợp với những giới hạn của tâm trí con người. Quả vậy, tâm trí con người không thể đảm nhận trọn vẹn thực tại này tại một thời điểm, do đó nó rút tĩa, trừu tượng hoá nhiều khía cạnh khác nhau của thực tại để suy xét một cách tuần tự- những sự rút tĩa hay trừu tượng hoá này được gọi là các khoa học.⁷⁸

Khởi đi từ nguyên lý thống nhất của hiện hữu cho rằng tất cả những thực tại riêng lẻ đều phát sinh từ một thực tại tối cao⁷⁹, Newman đề nghị tính thống nhất của tri thức, nhờ đó tất cả các lĩnh vực tri thức được khởi phát, liên kết mật thiết, và hội tụ về một trung tâm điểm.

Mỗi lĩnh vực tri thức có tính thống nhất, trọn vẹn trong chính ý niệm của nó và cho chính mục đích riêng của nó⁸⁰: Trong chính bản chất của từng lĩnh vực tri thức đã hàm chứa điều tốt không thể phủ nhận (*undeniably good*).⁸¹ Mỗi lĩnh vực tri thức là chân xác trong giới hạn phương pháp và nguyên lý của nó, và có một vị trí không thể thay thế bởi các lĩnh vực tri thức khác, nó có thẩm quyền tự trị hợp pháp của riêng nó⁸² trong việc dẫn dắt con người tiệm cận với chân lý. Trong chính nó mỗi lĩnh vực tri thức là một sự trừu tượng hoá, một khía cạnh và một quan điểm

⁷³ Cf. John Henry Newman, *op.cit.*, 131

⁷⁴ John Henry Newman, *Apologia Pro Vita Sua*, (London: Longmans, Green, 1890), 297

⁷⁵ Cf. John Henry Newman, *The Idea of a University*, 100

⁷⁶ *Ibid.*, 105

⁷⁷ Cf. John Henry Newman, *An Essay On The Development Of Christian Doctrine*, (Notre Dame: University Of Notre Dame Press, 1878), Ebook, 30

⁷⁸ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 45-46

⁷⁹ *Ibid.*, 33

⁸⁰ *Ibid.*, 52

⁸¹ *Ibid.*, 103

⁸² John Henry Newman, *The Idea of University*, 73- 274

thành phần của sự thống nhất tri thức mà đối tượng cuối cùng của nó là sự phổ quát được kiến tạo, một toàn thể.

Mặc dầu mỗi lĩnh vực tri thức có thể dẫn con người đến với chân lý, nhưng đó lại không phải là chân lý toàn thể, chỉ là một chân lý bị phân mảnh:⁸³ “Không có một lĩnh vực tri thức nào, không có một nhóm khoa học nào, thậm chí tất cả khoa học thế tục là chân lý toàn thể.”⁸⁴ Chúng chỉ là những khía cạnh của các sự vật, và không hoàn hảo trong mối liên hệ của chúng với chính sự vật.⁸⁵ Để đạt đến chân lý cách trọn vẹn hơn, một lĩnh vực tri thức cần được tháp nhập vào trong sự thống nhất rộng lớn hơn với những lĩnh vực tri thức khác. Chẳng hạn, tri thức về thể giới tự nhiên giúp con người khả thể tri nhận về vũ trụ, trong chính nó đã là một sự “trác việt nội tại (intrinsically excellent)”, tuy nhiên, nó “không thể chữa lành một trái tim bị tổn thương”⁸⁶, hay giải thích về một lương tâm tội lỗi, và phải cần đến các lĩnh vực tri thức khác. Do đó, điều cần thiết phải có sự thống nhất của các lĩnh vực tri thức mới giúp con người có triển vọng tiệm cận hơn với chân lý.

“Trong tự thể của nó, tri thức xoay quanh những chủ đề (subject- matter)⁸⁷ được liên kết mật thiết với nhau: Tất cả các lĩnh vực tri thức được cố kết với nhau, cấu thành một tổng thể, vì chủ đề của nó là duy nhất.”⁸⁸

Tất cả tri thức làm thành một tổng thể, vì chủ đề của nó là duy nhất; vì vũ trụ trong chiều rộng và chiều dài của nó có cấu trúc chặt chẽ sâu sắc với nhau, đến nỗi không thể chia tách phần này với phần khác, quá trình hoạt động này với quá trình hoạt động khác, ngoại trừ bằng một sự trừu tượng hoá của trí tuệ (mental abstraction) để phù hợp với những giới hạn của tâm trí con người... Toàn thể vũ trụ này phát xuất từ một nguồn mạch (fountain head), do đó không thể mâu thuẫn lẫn nhau.⁸⁹

Các lĩnh vực tri thức không tách biệt và độc lập nhau, nhưng cùng nhau tạo thành một hệ thống toàn thể hài hoà⁹⁰, bổ sung cho nhau⁹¹, cân bằng lẫn nhau.⁹² Những kết luận của lĩnh vực tri thức này phải được so sánh với sự đúng đắn của lĩnh vực tri thức khác nhằm thẩm tra, kiện toàn và hiệu chỉnh cho nhau.⁹³

Và khi tất cả nối kết với nhau tạo thành một chủ đề hội nhất để chiêm ngắm bởi tâm trí con người, sẽ không còn những giới hạn thực sự giữa các thành phần với nhau; trái lại chúng đan xen lẫn nhau; và một khi được suy xét bởi tâm trí, tất cả các thành phần được tổ hợp với nhau, và thủ đắc một đặc tính tương liên giữa phần này với phần khác, từ mẫu nhiệm nội tại của Bản Thể Thần Linh (Divine Essence) đến những xúc giác (sensation) và ý thức (consciousness) của chính chúng ta, từ những sắc lệnh uy nghiêm nhất của Thượng Đế đến những gì có thể được gọi là sự ngẫu nhiên của thời gian.⁹⁴

⁸³ Ibid., 94

⁸⁴ Ibid., 72

⁸⁵ Ibid., 52

⁸⁶ John Henry Newman, *An Essay On The Development Of Christian Doctrine*, 270

⁸⁷ Nếu như Bacon (1561- 1626) phân loại tri thức dựa trên các cơ năng của tâm trí con người: trí nhớ, trí tưởng tượng, và lý trí.. thì Newman lại phân loại tri thức dựa trên chủ đề (subject-matter) của nó. (Cf. A. Dwight Culler, *op.cit.*, 218)

⁸⁸ John Henry Newman, *The Idea of University*, 99

⁸⁹ John Henry Newman, *The Idea of University*, 50

⁹⁰ Ibid., 63

⁹¹ Ibid., 214

⁹² Ibid., 99

⁹³ Ibid., 94

⁹⁴ Ibid., 45

Tính thống nhất của tri thức còn thể hiện trong suốt chiều dài của lịch sử. Ngang qua giáo dục, những tri thức của các thế hệ đi trước được thông truyền cho các thế hệ đi sau, quả thế có những quan điểm xuyên suốt những tri thức cũ và mới, quá khứ và hiện tại, xa và gần.⁹⁵

Hình ảnh ẩn dụ Newman sử dụng để minh họa cho tính thống nhất của tri thức là “vòng tròn của tri thức”⁹⁶. Newman sử dụng hình ảnh này khi nói rằng một đại học đích thực phải là nơi toàn bộ vòng tròn tri thức được giảng dạy.⁹⁷ Ở một nơi khác, Newman nói:

Nếu một lĩnh vực tri thức nào đó bị loại bỏ ra khỏi vòng tròn tri thức, nó sẽ bị lãng quên, và không một lĩnh vực tri thức nào có thể thay thế nó, vòng tròn bị thu nhỏ lại, các lĩnh vực tri thức khác phóng đại phạm vi để xâm lấn vào lĩnh vực của lĩnh vực tri thức bị lãng quên đó. Đó là một hành động nguy hiểm, các lĩnh vực tri thức khác đã xâm phạm vào lãnh thổ mà chúng không có quyền được đi vào. Chẳng hạn nếu đứng riêng rẽ, tri thức về khoa học đời sẽ có nguy cơ đe dọa cho tôn giáo khi xâm lấn phạm vi không phải của nó, và đảm nhận những vấn đề mà nó không có phương tiện để giải quyết.⁹⁸

Trong *Ý Niệm Của Một Đại Học*, Newman đề cập đến tính thống nhất có phẩm trật (a hierarchical unity) của tri thức. Một cách tổng quát, tri thức được phân loại dựa trên ba cấp độ riêng biệt về thực tại hiện hữu: Thượng đế, Tự nhiên, và Con người.⁹⁹ Trong đó Khoa học nghiên cứu về tự nhiên, Văn chương về con người, Thần học về Thượng đế. Về bản chất, Văn chương trôi vượt hơn Khoa học, Thần học lại trôi vượt hơn Văn chương. Dưới nhãn quan tôn giáo, Newman cho rằng Thần học nắm giữ vai trò tiên phong đối với các lĩnh vực tri thức khác.¹⁰⁰ Lý do, Thượng đế luôn ẩn tàng trong đối tượng nghiên cứu của tất cả các tri thức¹⁰¹, mà Thần học lại có đối tượng nghiên cứu trực tiếp là Thượng Đế.¹⁰² Sự thống nhất có phẩm trật của tri thức phần nào được lý giải như sau: các lĩnh vực tri thức khác nhau như là những phản ảnh ở mức độ và phạm vi khác nhau của cùng một chủ đề- trung tâm điểm của vòng tròn tri thức.¹⁰³ Cụ thể, Newman đề nghị hình ảnh một sinh thể (organism) tri thức¹⁰⁴: Khi nói về chủ thể với tập quán triết học, Newman dựa vào loại suy kết cấu hữu cơ (organic analogy).

Một khi thủ đắc được sự soi sáng thực sự (real illumination), tâm trí không còn suy xét bất cứ thành phần nào của đề tài chính yếu được mở rộng của tri thức mà không nhận ra rằng nó chỉ là một phần, hay không có sự liên đới vốn phát sinh từ sự tri nhận này. Nó làm mọi thứ trong một chừng mực nào đó đưa tới những thứ khác, nó sẽ thông truyền hình dung (image) của cái toàn thể tới mỗi thành phần riêng biệt, cho đến khi cái toàn thể trở nên một tinh thần (spirit), mọi nơi đều tràn ngập và thấm nhập những thành phần cấu thành của nó, và cung cấp cho nó một ý nghĩa rõ ràng.¹⁰⁵

Trong sinh thể tri thức này: “Tinh thần đại diện cho tính thống nhất của tri thức; Các giác quan là khoa học tự nhiên; Trí nhớ, trí tưởng tượng tương ứng với văn chương, và thơ ca; Quả tim là

⁹⁵ Ibid., 134-135

⁹⁶ John Henry Newman, *The Idea of University*, 495-496

⁹⁷ Ibid., 20

⁹⁸ Ibid., 73-74

⁹⁹ Ibid., 219

¹⁰⁰ John Goyette and William Mathie, *The Idea Of A Catholic University: Newman On The Role Of Theology In A Liberal Education*, 72

¹⁰¹ Ibid., 76

¹⁰² John Henry Newman, *The Idea of a University*, 26

¹⁰³ Harold M. Petitpas., *op.cit.*, 497

¹⁰⁴ Ibid., 497

¹⁰⁵ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 137

những chân lý siêu việt vượt trên những công thức khô cứng; Tâm trí đại diện cho triết học khả thể có được tầm nhìn bao hàm toàn diện tính thống nhất của tri thức.”¹⁰⁶

Điểm quan trọng, tính thống nhất của tri không đơn thuần là một sự cộng gộp, hay góp nhặt (accumulation) các lĩnh vực tri thức khác lại với nhau.¹⁰⁷ Để đạt tới một sự hiểu biết sâu xa hơn về tính thống nhất của tri thức cần dẫn thân vào một tiến trình mở ra cho những cấp độ khác nhau của việc tri nhận về thực tại. Cụ thể, cần nại đến một lĩnh vực tri thức đặc thù vừa khác biệt với những lĩnh vực tri thức khác trong vòng tròn tri thức, vừa bao hàm bản chất của chúng.¹⁰⁸ Bên ngoài, lĩnh vực tri thức này sẽ tìm kiếm một siêu ngôn ngữ (meta-language) và một siêu khoa học (meta-science) cho phép luận giải những gì chưa rõ ràng; Bên trong, lĩnh vực tri thức này sẽ truy tìm nền tảng ẩn tàng đằng sau những phương pháp và nguyên lý của các tri thức trong vòng tròn tri thức.¹⁰⁹ Newman gặp khó khăn khi gọi tên lĩnh vực tri thức này¹¹⁰, tuy vậy, trong *Ý Niệm Của Một Đại Học*, Newman vẫn thường đề cập nó dưới danh xưng Triết học.¹¹¹ Điều này không ngụ ý tâm điểm của một chương trình giảng dạy (curriculum) sẽ xoay quanh triết học, hay triết học là một bộ môn như chúng ta hiểu ngày nay.¹¹² Newman đang đề cập đến triết học của một tâm trí toàn thể (an imperial intellect)¹¹³, không phải là một loại siêu triết học (super-philosophy) nhưng đơn thuần là “sự giáo hoá đích thực của trí tuệ”¹¹⁴ – “trí tuệ được giáo dục và trui rèn đúng đắn để có một tầm nhìn và sự thấu nhận liên thông (a connected view or grasp) về các sự vật.”¹¹⁵ Newman định nghĩa: “Vì giới hạn của thuật ngữ, tôi gọi sự thành toàn hay đức hạnh của trí tuệ bằng danh xưng triết học, tri thức triết học, sự mở rộng của tâm trí, sự soi sáng (illumination)”¹¹⁶, đó là “một viễn tượng bao quát về chân lý trong tất cả các lĩnh vực của nó, về các mối liên hệ giữa lĩnh vực tri thức này với lĩnh vực tri thức khác, về mối liên hệ hỗ tương và các giá trị riêng của các lĩnh vực tri thức.”¹¹⁷ Theo Newman, triết học, một mặt, khả thể đem đến sự hiểu biết những nguyên lý vận hành của các lĩnh vực tri thức khác, mặt khác, đem đến những sự hiểu biết phổ quát hơn dựa trên những gì đã được khám phá bởi các lĩnh vực tri thức riêng lẻ.¹¹⁸ Nói cách khác, triết học khả thể chỉ ra bản chất (essence) của từng lĩnh vực tri thức, cách thức các lĩnh vực tri thức hội nhất với nhau, giá trị giáo dục nơi từng lĩnh vực tri thức (giá trị khai phóng và hữu dụng của nó).¹¹⁹ Chẳng hạn: Vật lý học và Thần học đều luận giải về thế giới thực chung quanh chúng ta, nhưng vật lý học nghiên cứu về các yếu tố vật chất còn thần học nghiên cứu về các yếu tố tâm linh; sau khi đã xác định các nguyên lý làm việc của các lĩnh vực tri thức, triết học khả thể chỉ ra mối liên hệ hài hoà giữa chúng.¹²⁰

¹⁰⁶ Harold M. Petitpas., *op.cit.*, 498

¹⁰⁷ Cf. “Unity of knowledge,” Giuseppe Tanzella-Nitti, accessed March 10, 2021, <http://inters.org/unity-of-knowledge>

¹⁰⁸ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 182

¹⁰⁹ Giuseppe Tanzella-Nitti, *op.cit.*

¹¹⁰ Newman gọi khoa học này bằng nhiều tên khác nhau có khi ông gọi đó là Triết học hay Tri thức khai phóng, Khoa học có tính cấu trúc (Architectonic Science), hay Khoa học của các Khoa học (Science of Sciences) (x. John Henry Newman, *The Idea of a University*, 51, 102)

¹¹¹ A. Dwight Culler, *op.cit.*, 183- 185

¹¹² Ian Ker, *op.cit.*

¹¹³ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 461

¹¹⁴ Ian Ker, *op.cit.*

¹¹⁵ John Henry Newman, *The Idea of a University*, xvii

¹¹⁶ *Ibid.*, 125

¹¹⁷ *Ibid.*, 103

¹¹⁸ Giuseppe Tanzella-Nitti, *op.cit.*

¹¹⁹ Cf. Harold M. Petitpas., *op.cit.*, 498

¹²⁰ Cf. A. Dwight Culler, *op.cit.*, 187

Đằng sau mọi tri thức chỉ có một trí tuệ thiêng liêng duy nhất.¹²¹ Tính thống nhất của tri thức được hiểu như là tất cả các lĩnh vực tri thức vừa xuất phát từ một nguyên lý đệ nhất, đồng thời tất cả đều quy chiếu về nguyên lý đệ nhất đó, “tất cả các nguyên tắc đúng đắn trào ra từ nó, tất cả các hiện tượng đồng quy tại nó, nó quả thực là nguyên lý đầu tiên và cuối cùng.”¹²² Với quan điểm đó, Newman phản bác thái độ “độc tài học thuật (academic imperialism)”¹²³ của các chuyên viên vốn cho rằng ngành nghề của mình nắm giữ tất cả chân lý, là tiêu chuẩn để thẩm định các lĩnh vực tri thức khác¹²⁴. Đồng thời ông nhấn chỉ đến một nền giáo dục đào luyện các chủ thể xét như là những nhân vị vươn tới những ý niệm đại thể dựa trên đặc tính thống nhất của tri thức, xây dựng ý niệm của một đại học nơi gặp gỡ của tri thức phổ quát¹²⁵ và “toàn bộ vòng tròn của các khoa học được giảng dạy”.¹²⁶

Giáo Dục Khai Phóng

Đặt nền tảng trên tính thống nhất của tri thức, Newman đề nghị một lối tiếp cận độc đáo về bản tính con người, từ đó hướng con người đến nền giáo dục khai phóng, ngõ hầu thành tựu trong chủ thể với tập quán triết học trong tâm trí- đại biểu cho tính thống nhất của tri thức. Những đặc tính của nền giáo dục này được Newman trình bày mạch lạc trong những ý niệm của ông về một đại học.

Con người nhìn từ lăng kính thống nhất của tri thức

Newman cho rằng con người là một thế giới thế giới vi mô (a microcosm) không phải vì con người là một nguyên tử trong một vũ trụ đồng nhất (a homogeneous universe), nhưng vì con người phản ánh trong chính bản tính của mình mọi khía cạnh của một vũ trụ hết sức đa dạng.¹²⁷

Con người là một hữu thể kỳ tài, nồng nàn (passion), tài trí, uy thế. Một người có thể thi triển những thiên tư đa dạng này bằng nhiều cách thức khác nhau, trong những chiến tích cao quý, trong những tư tưởng lớn lao, trong những hành động anh hùng, trong những tội ác đáng căm ghét. Con người dựng xây các thành bang, chiến đấu, cày xới đất đai, chinh phục thiên nhiên, làm chủ giống nòi, tạo ra vô vàn những ý niệm và ảnh hưởng lên nhiều thế hệ.¹²⁸

Do đó, việc tìm hiểu bản tính của con người, phải được thực hiện dưới đặc tính thống nhất của tri thức. Con người phải được tiếp cận dưới cái nhìn liên môn (interdisciplinary), tức sự kết hợp giữa các chuyên ngành tri thức (khoa học) khác nhau. “Sự kết hợp này là phương thế để chân lý mở rộng chính bản tính con người.”¹²⁹

Con người cần phải được suy xét trong sự đa dạng của các mối liên hệ; đi cùng với các mối liên hệ này là các khoa học nghiên cứu về con người. Tri thức về con người trở nên đúng đắn hơn khi được nhìn nhận trong tổng thể các khoa học này. Con người có thể được suy xét trong mối liên hệ với các yếu tố vật chất nơi cơ thể, trong thể trạng tinh thần, trong mối liên hệ với gia

¹²¹ Fareed Zakaria, *op.cit.*, 65

¹²² *Ibid.*, 26

¹²³ Ian Ker, *op.cit.*

¹²⁴ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 83

¹²⁵ *Ibid.*, 73-74

¹²⁶ *Ibid.*, 20

¹²⁷ Cf. A. Dwight Culler, *op.cit.*, 199

¹²⁸ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 229-230

¹²⁹ M. Katherine Tillman, *Some Aspects of Human Nature As Viewed by Cardinal John Henry Newman*, (University of Notre Dame, 2007), 30

quyến, với cộng đồng, với Hữu Thể tác sinh nên nó. Khi suy xét con người trong tất cả các mối liên hệ này, ý niệm về con người mới trở nên đầy đủ hơn bằng không sẽ phiến diện.¹³⁰

Con người là một hữu thể đơn nhất nội tại, hiện hữu với những giá trị độc sáng trên thế giới này, được thể hiện qua sự tự do trong việc chọn lựa niềm tin và thái độ hành động.¹³¹

Chủ thể tính đơn nhất (the unique subjectivity) và đời sống nội tâm của mỗi người xét như một nhân vị không thể giản trừ (irreducible).¹³² Ông tập chú vào “hiện hữu độc sáng” của linh hồn con người, và xác tín rằng mỗi người là một hữu thể toàn diện và độc lập trong chính nó.¹³³ Trong *Tính Cá Vị của Linh Hồn (The Individuality of the Soul)*, Newman bày tỏ sự tôn trọng đặc biệt cho đời sống nội tâm của một người. “Anh ta [con người] có riêng cho mình những hy vọng, sợ hãi, khát khao, mục đích, anh ta là tất cả đối với chính anh ta...Không ai ngoài anh ta có thể thật sự đụng chạm tới anh ta, đụng chạm tới linh hồn, tới tính bất tử của anh ta, anh ta là duy nhất cho đến muôn đời. Nơi anh ta có một chiều sâu khôn dò khôn thấy, một vực sâu vô hạn của sự hiện hữu.”¹³⁴

Bên cạnh đó con người cũng mang trong mình tính liên chủ thể, nghĩa là mối liên hệ hỗ tương của một nhân vị này với những nhân vị khác vốn cùng chia sẻ cùng một viễn cảnh về đời sống. Tin nhận vào sự phổ quát nơi bản tính con người¹³⁵, Newman đề cập đến mối liên hệ liên chủ thể (intersubjective relationship) giữa những nhân vị: Điều gì một người khám phá trong chính bản thân mình và chứng kiến nơi người khác, trực tiếp ngang qua những kinh nghiệm sống và gián tiếp ngang qua việc học, họ có thể kết luận rằng những thuộc tính tương tự nền tảng được nhìn thấy nơi một người được sở đắc bởi những hữu thể khác giống mình.¹³⁶

Con người là một hữu thể thống nhất nội tại, do đó, đối với Newman thật khó có thể đánh đồng con người với những thuật ngữ trần thế (worldly terms), con người có phẩm giá không thể giản trừ thành những ngành nghề hay một thực tại trần thế nào.¹³⁷ Sự thành toàn (flourishing) của con người không thể được đánh giá chỉ dựa trên chuyên môn như một thợ mộc, một y tá, nhưng là trong tư cách của một con người.¹³⁸ Căn tính của một người không chỉ dựa vào công việc chuyên môn, nhưng còn qua việc thể nghiệm những giá trị cốt lõi của người đó trong lối sống. Chỉ khi những khuynh hướng và tiềm năng tự nhiên của bản chất con người được phô diễn và phát triển tối đa, thì bản chất của một con người mới tiến đến gần hơn với sự thành toàn.¹³⁹ Sự thành toàn của một cá nhân không phải là điều gì đó tự nhiên đối với con người, nhưng, cần được thủ đắc bởi từng người, đặc biệt ngang qua đào tạo, giáo dục và tập quán: “Con mắt thể lý, cơ phận để tri nhận những đối tượng vật chất, được tự nhiên ban cho; đôi mắt của tâm trí, mà đối tượng của nó là chân lý là công việc của kỷ luật và tập quán”.¹⁴⁰

Nền giáo dục với sức năng giải phóng

Khi suy xét bản tính con người dựa trên đặc tính thống nhất của tri thức, Newman quả quyết phẩm giá con người không thể được giản trừ chỉ bằng những chuyên ngành hay một lĩnh vực

¹³⁰ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 54-55

¹³¹ Cf. Reed Frey, *Cor Ad Cor Loquitur: The Philosophical Personalism Of John Henry Newman* (2015), 33-34

¹³² Ibid., 9

¹³³ “Sermon 6. The Individuality of the Soul,” John Henry Newman, accessed March 15, 2021,

<http://www.newmanreader.org/works/parochial/volume4/sermon6.html>

¹³⁴ Ibid.,

¹³⁵ John Henry Newman, *An Essay In Aid Of A Grammar Of Assent*, (London: Burn, 18740), Ebook, 403

¹³⁶ Cf. M. Katherine Tillman, *op.cit.*, 31- 32

¹³⁷ Cf. Reed Frey, *op.cit.*, 14

¹³⁸ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 23

¹³⁹ M. Katherine Tillman, *op.cit.*, 38

¹⁴⁰ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 135

tri thức đặc thù. Với ý niệm này, Newman cho rằng nền giáo dục khai phóng với điểm nhấn là sự giáo hoá tâm trí (mind) có triển vọng phát lộ những tài năng tiềm ẩn trong bản chất siêu vượt của con người, giúp con người tiệm cận hơn với sự thành toàn.

Theo Newman, giáo dục như một chu trình tiến tới, điều này phát xuất từ nguyên lý thống nhất của tri thức: Giáo dục dựa trên một nguyên lý cố định, vun bồi, từng thành phần, có phương pháp, nhắm chỉ đến một cùng đích rõ ràng.¹⁴¹ Khác với sự chỉ dạy (instruction) vốn có ít hoặc không tác động đến chính tâm trí, hạn từ giáo dục (education) nhắm chỉ đến một hành động dựa trên bản chất trí tuệ (mental nature) của con người, và một sự hình thành cá tính, đức hạnh; mang tính cá vị và lâu dài.¹⁴² Trọng tâm của ý niệm về giáo dục của Newman là “chân lý là điều gì đó được yêu mến, được tìm kiếm, là điều gì đó khách quan trong đặc tính, nhưng cá vị trong sự thâm nhận, chân lý không chỉ được kiếm tìm bằng thế giới thực nghiệm nhưng còn vượt lên trên.”¹⁴³ Con người trên hành trình khai phá tri thức khả thể thoát ra khỏi tình trạng bị điều kiện hoá để đụng chạm những chiều kích sâu xa khác của chân lý. Trong nền giáo dục khai phóng, chủ thể không đơn thuần được huấn luyện hay hiến tế cho những mục đích đặc thù, một công việc cụ thể nhưng trước hết là để kiện toàn những tư chất thiên bẩm nơi tâm trí con người.¹⁴⁴

Một trong những luận điểm chính của *Ý Niệm Của Một Đại Học* là sự biện hộ cho nền giáo dục khai phóng như là mục đích chính yếu của một đại học.¹⁴⁵

Giáo dục khai phóng được khai sinh vào thời Hy Lạp Cổ đại, vốn được biết đến như là *Paideia*... *Paideia* là một nền giáo dục cho sự tự do cá vị cũng như chính trị, cho một sự nhận thức tròn đầy của bản tính con người...¹⁴⁶ Mô tả cách tiếp cận giáo dục này vào nhiều thế kỷ sau, người La Mã đã đặt cho nó một tên mới: một nền giáo dục khai phóng (liberal education), từ này trong nguyên nghĩa tiếng La tinh có nghĩa là “của hay thuộc về những người tự do.”¹⁴⁷

Giáo dục khai phóng được biểu thị chính yếu bởi khía cạnh khai phóng của nó ngang qua hạn từ “khai phóng”: Một nền giáo dục khai phóng nhắm đến việc giải phóng người thụ hưởng nó. Cụ thể, giải phóng người học khỏi những giới hạn của những đòi hỏi hiện tại và những cái đặc thù (particular) mang tính duy vật.¹⁴⁸ Vào thời của Newman, dưới tác động mãnh liệt của chủ nghĩa duy nghiệm (empiricism), John Locke và một số nhà tư tưởng cho rằng giáo dục dường như ngay tức khắc phải nhắm đến việc cung cấp một chuyên ngành cụ thể cho người học.¹⁴⁹ Trái lại, Newman cho rằng đường hướng giáo dục như thế sẽ làm thoái hoá (degraded)¹⁵⁰ người học xét như là một hữu thể có lý trí: Với việc chỉ tập chú theo đuổi hay làm việc trong chính chuyên ngành của mình, những năng lực của tâm trí cùng những tập quán trí tuệ của anh ta bị rút ngắn lại, anh ta chỉ hữu dụng trong chuyên môn của mình, và tỏ ra vô dụng trong những lĩnh vực chuyên môn khác, anh ta bị nhấn chìm trong những tư tưởng vụn vặt mà bỏ qua những đóng góp quan trọng của các chuyên ngành khác. Giáo dục khai phóng làm cho trí óc mở rộng

¹⁴¹ M. Jane Rupert, *John Henry Newman on Education*, (Canada, 1998), 121

¹⁴² John Henry Newman, *The Idea of a University*, 114

¹⁴³ Lawler-Brunner, *op.cit.*, 60

¹⁴⁴ *Ibid.*, 152

¹⁴⁵ Ian Ker, *op.cit.*

¹⁴⁶ Cf. Anthony O’Hear and Marc Sidwell, ed., *The School of Freedom A Liberal Education Reader from Plato to the Present Day*, ebook, 22-25

¹⁴⁷ Fareed Zakaria, *op.cit.*, 25

¹⁴⁸ Charles Bailey, *Beyond the Present and the Particular: A Theory of Liberal Education*, (London, Boston, Melbourne and Henley: Routledge & Kegan Paul, 1984), 15- 19

¹⁴⁹ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 159

¹⁵⁰ *Ibid.*, 168

tầm hiểu biết và theo đuổi đam mê học thuật một cách tự do, đối nghịch với nền giáo dục vốn trang bị người học để lấp đầy một nhu cầu xã hội đã được chỉ định trước.¹⁵¹

Nền giáo dục khai phóng tập chú vào việc đào luyện những cơ năng của tâm trí con người. Trong nền giáo dục khai phóng, tâm trí được trui rèn vì chính lợi ích của chính nó, vì sự tri nhận đúng đắn khách thể của chính nó và vì một sự giáo hóa cao nhất của chính nó (its highest culture), thay vì được huấn luyện hay bị hy sinh cho một vài mục đích đặc thù hay tùy phụ (accidental), cho một vài ngành nghề cụ thể.¹⁵² Tâm trí con người bao hàm các ý niệm, các cảm tình (feelings), các ý kiến (views), các lập luận (reasonings). Trong cái nhìn về năng lực của tâm trí, một mặt, tâm trí con người tự bản chất có khả năng quy hướng con người về chân lý vốn phổ quát và khách quan¹⁵³, mặt khác, con người thường mắc phải những sai lầm khi sử dụng tâm trí khi hành động thiếu sự phản tư bởi không được vun bồi cách đúng đắn, hay do sự “nổi đau của tư duy”¹⁵⁴, do thành kiến và những giới hạn gắn liền với bản tính con người. Do đó, tâm trí cần được vun bồi, tinh luyện, để vượt lên trên những ràng buộc duy vật chất, ngõ hầu có thêm năng lực và tự do trong việc truy tìm chân lý, sự tự trị ngang qua tập quán tư duy độc lập và sự thành toàn.¹⁵⁵ Mục tiêu tri thức khai phóng là một trong những điều kiện cơ bản cho việc huấn luyện tâm trí. Ngang qua hành vi tương tác với tri thức một cách tích cực bằng việc đón nhận, so sánh, nối kết những điều mới với những điều đã biết, tìm ra mối liên hệ giữa các tri thức, tâm trí mới có thể được vun bồi, giáo hóa và trở nên tự trị. Trong nền giáo dục khai phóng, người học đến để học, để sử dụng tâm trí chứ không đơn thuần chỉ để được dạy một cách thụ động.¹⁵⁶

Trong giáo dục khai phóng, tri thức và sự hiểu biết trở nên cùng đích trong chính nó: Những hoạt động và chiều kích của tri thức cũng như sự hiểu biết có giá trị tự thân, độc lập với mọi kết quả, mọi mục đích. Giáo dục khai phóng giải thoát con người khỏi sự bức bách của nhu cầu về một chuyên môn đặc thù, nhằm tạo lập thói quen yêu chân lý và theo đuổi đam mê đích thực một cách tự do nơi người học, là không gian cho những ý niệm của lý trí, sự tự trị vươn xa.¹⁵⁷ Giáo dục đặt nền trên tri thức khai phóng có cùng đích trong chính nó, trước hết là một không gian giúp con người thường ngoạn vẻ đẹp vốn là thuộc tính của chân lý¹⁵⁸ tiềm tàng trong các lĩnh vực tri thức khác nhau một cách tự tại, hơn là gò bó con người trong những đòi hỏi có tính thực tiễn, hướng nghiệp. Chính sự khám phá và chiêm ngắm chân lý, mà việc học đem lại là cùng đích đầy đủ, cho dầu không có gì ngoài nó được thêm vào, và bởi đó chúng được xem như là đầy đủ đối với con người.¹⁵⁹

Trước những phản biện cho rằng giáo dục khai phóng đương thời là vô dụng, Newman đưa ra một phân tích triết học và tri thức luận về tốt (good) và hữu dụng (useful). Ông cho rằng giáo dục khai phóng với việc nhấn mạnh đến sự giáo hóa tâm trí, đặt nền trên các môn khai phóng cổ đại vừa là một nền giáo dục tốt và hữu dụng. Hữu dụng thì chưa hẳn là tốt, nhưng là hướng tới điều tốt, hay chỉ là một phương tiện của điều tốt. Hữu dụng thì không luôn luôn là điều tốt, nhưng điều tốt thì luôn luôn hữu dụng. Điều tốt thì không chỉ là tốt, nhưng còn triển vọng phát sinh ra điều tốt khác. Không có điều gì trác việt, đẹp đẽ, hoàn hảo, đáng khao khát vì lợi ích của chính nó, mà lại không tuôn trào và căng tràn những điều tốt này ra xung quanh nó. Điều

¹⁵¹ Leslie Armour, *Newman's Theory of Ideas*, (University of Ottawa), 3

¹⁵² Ibid., 165

¹⁵³ Cf. John Henry Newman, *Apologia Pro Vita Sua*, (London: Longmans, Green, 1890), 20

¹⁵⁴ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 162-163

¹⁵⁵ Cf. Ibid., 66, 312

¹⁵⁶ Ibid., 489

¹⁵⁷ Cf. Charles Bailey, *op.cit.*, 15- 19

¹⁵⁸ Cf. John Henry Newman, *The Idea of a University.*, 217

¹⁵⁹ Ibid., 126

tốt có khả năng phát sinh. Điều tốt lớn sẽ phổ biến điều tốt lớn. Do đó, nếu giáo dục khai phóng làm phát sinh sự trác việt của tâm trí vốn không chỉ đẹp, hoàn hảo trong chính nó nhưng còn hữu dụng cho người thủ đắc nó và cả những người chung quanh; không chỉ hữu dụng nhưng còn là điều tốt có sức năng căng tràn, trước hết cho người sử dụng và sau là cho toàn thế giới. Nếu giáo dục khai phóng là điều tốt, điều tất yếu nó cũng hữu dụng.¹⁶⁰ “Một nền giáo dục khai phóng có thể khuyến khích người học quan tâm đến các môn khoa học vì giá trị trí tuệ nội tại của chúng chứ không phải vì giá trị của chúng trên thị trường. Qua thời gian, điều này có thể có những thành quả riêng của nó về mặt nghiên cứu cơ bản và thúc đẩy khoa học tiến lên.”¹⁶¹

Giáo dục khai phóng nhắm tới việc “loại bỏ sự mờ tối nguyên thủy của đôi mắt tâm trí; để củng cố và kiện toàn tầm nhìn của nó; làm cho nó khả thể khảo sát thế giới này một cách đúng đắn; đem đến cho tâm trí sự sáng tỏ và chính xác để trừu tượng hoá, so sánh, phân tách, định nghĩa...”¹⁶², hơn nữa, giáo dục khai phóng còn hun đúc nên một chủ thể với tập quán triết học, đại biểu cho đặc tính thống nhất của tri thức, một chủ thể với khả năng tri nhận giá trị của sự vật trong chính nó và trong tổng thể của vòng tròn tri thức. Mục đích này được thủ đắc, trước hết bằng việc thực hành “tập quán có phương pháp” tối quan trọng với các môn học khai phóng: *Trivium* (Tam khoa)- ngữ pháp, hùng biện, luận lý học, và *Quadrivium* (Tứ khoa)- số học, hình học, thiên văn học, âm nhạc.¹⁶³ Những môn học khai phóng này là những lối rẽ ngang qua đó một tâm trí sống động bước vào thế giới triết học, thức tỉnh những khả năng tiềm tàng trong tâm trí của người học như: khả năng tưởng tượng, sáng tạo, tư duy, phân tích. Cách tốt nhất để trở nên thực sự có giáo dục là đắm mình trong những kiệt tác của quá khứ.¹⁶⁴

Hãy giúp sinh viên thủ đắc được tập quán có phương pháp này, bắt đầu từ những điểm cốt lõi, tạo lập nền tảng, giúp anh ta phân biệt những gì anh ta biết khỏi những gì anh ta không biết. Dần dà anh ta sẽ được tháp nhập vào những quan điểm triết học chính xác nhất và tự do nhất, vốn làm sạch những trí tuệ nông cạn, và chúng ta sẽ không cảm thấy gì ngoài sự nôn nóng và chán ghét ở những lý thuyết hỗn tạp, lạm dụng những nghịch lý phô trương và ngụy biện.¹⁶⁵

Trong nền giáo dục khai phóng, khởi đi từ việc tiếp cận với những tri thức triết học uyên nguyên trong các môn học khai phóng, người học được giáo dục để có tư duy đa dạng, để lý luận, so sánh, đối chiếu, học cách phân định, tinh lọc những sở thích, khá phá ra tiếng gọi (calling) cho sự hiện hữu của mình trong tự do, tiến tới khả thể đảm nhận bất cứ ngành nghề nào.¹⁶⁶ Một khi được thủ đắc trong sự đầy đủ của nó, giáo dục khai phóng khả thể soi dẫn tâm trí của vượt lên trên việc chỉ thụ nhận tri thức cách thụ động ngõ hầu khảo sát thế giới với những “ý niệm” nhờ đó tri thức được thấm nhập bởi lý trí, và tâm trí con người trở nên thuần thực với cách thức suy xét sự vật cách tự do, mang tính triết học.¹⁶⁷

1. Ý niệm của một Đại học

Đại học thường được khảo sát như là một thể chế (institution) hơn là một ý niệm.¹⁶⁸ Như thế là đã quên đi sức mạnh của ý niệm, quả thật mọi phong trào lớn trong lịch sử đều khởi phát bởi

¹⁶⁰ Cf. John Henry Newman, *The Idea of a University*, 164

¹⁶¹ Fareed Zakaria, op.cit., 105

¹⁶² John Henry Newman, *The Idea of a University*, 333, 348

¹⁶³ Ibid., 259

¹⁶⁴ Fareed Zakaria, op.cit., 71

¹⁶⁵ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 13

¹⁶⁶ Ibid., 166

¹⁶⁷ Ibid., 103

¹⁶⁸ Jaroslav Pelikan, op.cit., 24

những ý niệm.¹⁶⁹ “ ‘Idea’ ở đây không có nghĩa đơn giản là ‘ý tưởng’, theo nghĩa là ‘suy nghĩ’ hay ‘ý kiến’ nào đó về đại học. Ý niệm về đại học có thể được hiểu là Tinh thần sống động, là Hồn của đại học.¹⁷⁰

1.1. Lý thuyết về ý niệm

Theo Newman, các ý niệm được hình thành khi tâm trí con người thực hiện những phán đoán về một đối thể (object- sự vật, quan điểm...) nào đó:

Các phán đoán hun đúc nên những khía cạnh khác nhau của đối thể trong tâm trí, một trong số chúng có thể chỉ là những ấn tượng thoáng qua, hay vẫn tồn tại cho đến khi được thay thế bằng các ý kiến khác...Số khác được in hằn trong tâm trí cho dù có hay không có lập luận tốt và có ảnh hưởng trên chúng ta, cho dù chúng liên quan đến các sự kiện hay các nguyên lý đạo đức, hay những quan điểm về cuộc sống và thế giới, hay những thành kiến, sự tưởng tượng, những xác tín...Đại đa số kết tập lại với nhau và cùng chung đối tượng, vốn được suy xét theo nhiều cách thức khác nhau, không chỉ bởi nhiều tâm trí khác nhau, nhưng có thể bởi một tâm trí duy nhất. Đôi khi chúng tỏ ra có mối liên hệ hỗ tương với nhau, hoặc ít ra không trái ngược nhau, trong trường hợp này chúng có một nguồn gốc chung. Có khi chúng tỏ ra xung khắc với nhau, không liên kết với đối tượng của chúng trong tâm trí con người. Tất cả những điều này là những ý niệm vốn thường bị con người đánh đồng với các đối thể.¹⁷¹

Ý niệm không có nghĩa là khái niệm (notion) mà một chủ thể có thể hình thành về một đối thể, nhưng trái lại chính đối thể có triển vọng được tri nhận trong nhiều ý niệm khác nhau¹⁷². Newman đang đề cập đến ý niệm trong ý nghĩa của một thực thể tồn tại (real entities) vốn khả thể tri nhận, lĩnh hội và đại biểu cho đối thể.¹⁷³

Ý niệm vốn tượng trưng cho một đối thể hay giả thiết một đối thể thì tương xứng với toàn thể những khía cạnh khả thể của nó, tuy nhiên, chúng có thể khác nhau trong sự hiểu biết riêng rẽ của từng cá nhân, và tương ứng với nhiều trạng thái khác nhau trong đó ý niệm biểu lộ chính nó cho nhiều tâm trí khác nhau về sự tác động (force) và chiều sâu (depth), và những lý lẽ cho tính chất xác thực của nó. Thông thường, một ý niệm trở nên khách quan đối với tâm trí ngang qua những biểu trưng đa dạng này.¹⁷⁴

Newman cho rằng các ý niệm vốn phát triển (development) theo thời gian bằng việc khai mở cách tiệm tiến những khía cạnh về các sự vật vốn là những thực thể hóa (instantiation) của chúng và ngang qua đó thực tại của chúng dần được biểu lộ. Các ý niệm khác nhau như toán học, đạo đức... thì phát triển theo những cách thức khác nhau.¹⁷⁵ Khi một ý niệm, dù chân chính hay không được thủ đắc bởi tâm trí, có thể nói rằng nó sẽ phát sinh sự sống, nghĩa là trở nên sống động trong tâm trí thấu nhận nó.¹⁷⁶ Vì sống động, “nên không có một khía cạnh nào đủ sâu sắc để bàn thảo hết tất cả các khía cạnh về nội dung của một ý niệm đích thực, không một thuật ngữ hay mệnh đề nào có thể định nghĩa ý niệm một cách rốt ráo.”¹⁷⁷ Quả thật, các ý niệm có tính đa nguyên trong cấu trúc theo hai nghĩa: chúng được cấu thành bởi những diễn tả ở một lúc nào đó hay tại một nơi nào đó cho một người nào đó; và có vô số những khả thể để giải

¹⁶⁹ Ibid., 24

¹⁷⁰ Bùi Văn Nam Sơn, op.cit., 259-262

¹⁷¹ John Henry Newman, *An Essay on the Development of Christian Doctrine*, 23- 25

¹⁷² Owen Chadwick, *From Boussuet to Newman, The Idea of Doctrinal Development* (Cambridge: Cambridge University Press, 1957), 149 trích dẫn bởi Leslie Armour, op.cit., 8

¹⁷³ Leslie Armour, op.cit., 8

¹⁷⁴ John Henry Newman, *An Essay on the Development of Christian Doctrine*, 23

¹⁷⁵ John Henry Newman, *An Essay on the Development of Christian Doctrine*, 26

¹⁷⁶ Ibid.

¹⁷⁷ Ibid.

thích nó.¹⁷⁸ Các ý niệm như một điều gì đó được giới hạn trong một thời khắc vốn bị chi phối bởi những diện mạo trung gian của đối thể. Tuy nhiên, không có một ý niệm nào đã được mức cạn bởi bất cứ diện mạo nào của nó hay bởi bất cứ một giải thích nào.¹⁷⁹ Vì có nhiều lối giải thích khác nhau cho một ý niệm, theo Newman cần có những thẩm quyền đủ năng lực đóng vai trò sàng lọc và giám sát tiến trình phát triển của ý niệm. Chẳng hạn, đối với sự phát triển các ý niệm trong Kitô giáo, Newman đề nghị Giáo Hội nắm giữ vai trò đó.

Newman cho rằng một ý niệm được khai sinh và phát triển ngang qua những thử thách và những cuộc luận chiến để được thành toàn và trở nên ưu thế.¹⁸⁰ Tuy nhiên, một ý niệm có giá trị bản chất (substance) vốn giữ vững nền tảng của nó giữa những xung khắc và thay đổi.¹⁸¹ Chẳng hạn:

“khai phóng” khi đi cùng với tri thức, diễn tả một ý niệm đặc biệt vốn đã tồn tại, sẽ tồn tại... Ý niệm này hiện hữu trong thế giới lúc này, hay trong tương lai, nó được làm sáng tỏ bởi một truyền thống lịch sử liên tục... Những ý kiến khác nhau trong tiến trình lịch sử chỉ là một sự chứng minh thêm vào cho thực tại của ý niệm này... Bản chất của ý niệm này không bị thay đổi theo thời gian... Nó là một ý niệm nguyên mẫu (the archetypal idea).¹⁸²

“Sự phát triển của một ý niệm là một khái niệm bao hàm cả sự phát triển tiềm ẩn trong một ý niệm và sự thống nhất của nó với các ý niệm khác để làm thành một tổng thể chặt chẽ, khả thể tri nhận. Việc giải thích một ý niệm thu hút tâm trí của chủ thể vào những quan điểm về thế giới: Một mặt, chúng được định vị trong những trạng huống của những con người cụ thể trong sự xuất hiện đầu tiên của chúng, mặt khác trong quá trình phát triển chúng kiến tạo những mối liên hệ công khai. Ví dụ, những phép tắc hành xử mang tính xã hội trở nên những ý niệm bẩm sinh ngang qua một tiến trình nơi đó các ý niệm phát sinh những hệ quả vốn thu hút một chủ thể vào trong trạng huống của những người khác, vào trong sự tạo lập cộng đồng.”¹⁸³

Ý niệm khả thể tiến đến sự hội nhất, hay thống nhất chung cuộc. Ý niệm về một đối thể có thể được đảm nhận từ những quan điểm xa rời, thậm chí đối nghịch nhau, xung khắc, thiếu cân đối, thậm chí trở nên hoàn toàn phi lý; tuy nhiên, tất cả những sự vô lý này sẽ tan biến và tất cả những đối nghịch sẽ được điều chỉnh. Tất cả các khía cạnh khác nhau của một ý niệm khả thể được liên kết và biến chuyển thành đối tượng mà nó thuộc về, và tính không đồng dạng ban đầu của các khía cạnh trở nên một lý lẽ cho sự tồn tại và thống nhất của nó, những biểu hiện đa dạng của nó trở nên tính chất căn nguyên và sức mạnh của nó.¹⁸⁴

Có một sự liên tục không ngừng trong tiến trình truy tìm chân lý, trong cùng một khoa học những ý niệm đến sau là sự bổ trợ và kiện toàn cho những ý niệm đã có trước. Cái có trước không phải lúc nào cũng đúng đắn, nếu không muốn nói là có thể sai lầm, tuy nhiên, trong nội tại một ý niệm luôn phát triển, được hiệu chỉnh bằng những ý niệm đến sau. Trong tiến trình phát triển của ý niệm, những sai lầm có thể thống trị một thời gian, nhưng chân lý cuối cùng sẽ thắng thế.¹⁸⁵

¹⁷⁸ Leslie Armour, *op.cit.*, 10

¹⁷⁹ Ibid.

¹⁸⁰ “Development of an idea and of doctrine Cardinal Newman,” Fr. Juan Velez, accessed March 02, 2021, <https://www.cardinaljohnhenrynewman.com/development-of-an-idea-and-of-doctrine-cardinal-newman/>

¹⁸¹ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 110

¹⁸² John Henry Newman, *The Idea of a University*, 111

¹⁸³ Leslie Armour, *op.cit.*, 12

¹⁸⁴ John Henry Newman, *An Essay on the Development of Christian Doctrine*, 23

¹⁸⁵ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 478

Tiến trình phát triển của ý niệm khả thể kiến tạo các truyền thống. Vì các ý niệm là bản chất của đời sống tinh thần của con người và các ý niệm làm phát sinh các truyền thống.¹⁸⁶ Quả vậy, giáo dục là tiến trình thông truyền các ý niệm từ thế hệ này đến thế hệ khác. Ngang qua tiến trình giáo dục, chủ thể tháp nhập vào một tiến trình vun bồi các ý niệm đúng đắn trong tâm trí về thế giới và con người. “Giáo dục cho phép người học hoạt động trong bối cảnh của những truyền thống phong phú và rộng lớn. Một mặt truyền thống được định vị trong tâm trí của người học, mặt khác, truyền thống được định vị giữa các ý niệm đang trong tiến trình phát triển bởi truyền thống đó. Giáo dục trở nên khai phóng bằng việc đặt để người học cách xứng hợp trên nền tảng (cutting edge) của một truyền thống.”¹⁸⁷

“Ý niệm không phải là cái gì tĩnh tại và đã hoàn tất, độc lập với sự phát triển của bản thân Tinh thần và thoát ly khỏi những hoàn cảnh xã hội nhất định. Vì thế, tái sinh ý niệm phải đi liền với sự đổi mới nó. “Có những yêu sách truyền thống vẫn còn giá trị, nhưng, mặt khác, phải phù hợp với những hoàn cảnh mới... Đại học, muốn xứng danh là đại học, phải được một ‘Ý niệm’ dẫn đạo như ngôi sao Bắc đẩu. Không ai có ảo tưởng, một ngày nào đó, sẽ ‘đến được’ ngôi sao ấy, nhưng không có nó, ta sẽ làm lủi và làm lạc trong đêm tối mịt mù. Ý niệm như chân trời vươn tới, như lý tưởng vậy gọi...”¹⁸⁸

1.2. Ý niệm của một đại học

“Ý tưởng giáo dục châu Âu đã có từ khoảng 2.500 trước tại Hy Lạp cổ đại. Hàn lâm viện của Plato có thể được xem là hạt nhân học thuật đầu tiên của châu Âu, hội tụ đầu đủ các tính chất học thuật: đi tìm cái thiện, cái chân lý bằng khoa học, bằng sự đối thoại trong không khí tự do, bằng sự tự nguyện, thầy và trò bình đẳng nhau, thầy và trò tìm đến nhau.”¹⁸⁹ Vào thời của Newman, xuất hiện một sự gãy đổ mạnh mẽ về giáo dục đại học, được biểu hiện ngang qua cuộc luận chiến khá căng thẳng giữa các nhà phê bình *Edinburgh Review* và đại học Oxford. Điều này thúc bách Newman thẩm định lại ý niệm về đại học. Một cách tổng quát, Newman cho rằng:

Khi đắm nhận trong ý niệm đầy đủ của nó, đại học có đối tượng và sứ mạng kiến tạo toàn tâm trí nhân danh triết học, tri thức triết học, và mở rộng tâm trí, hay là sự rọi sáng (illumination). Nó không chiêm ngắm những bài học luân lý hay sản phẩm cơ giới; nó tuyên bố rèn luyện tâm trí không phải cho ngành nghề hay bổn phận nào; Sứ mạng của nó là giáo hoá trí tuệ (intellectual culture) để lý luận tốt trong tất cả các vấn đề, để vươn tới chân lý và để ôm ấp nó.¹⁹⁰

Trong phạm vi bài viết này, xin giới hạn tiến trình vươn tới chân lý có thể được thực hiện trong giáo dục đại học, ngang qua ba điểm căn bản: (a) tính thống nhất của các ngành khoa học; (b) tính nhân văn; (c) vai trò của triết học.

1.3. Tính thống nhất của các ngành khoa học

Đặt nền trên nguyên lý thống nhất của tri thức, Newman cho rằng, các khoa học riêng lẻ được nhìn nhận như những quan điểm đặc thù, những khía cạnh khác nhau gắn liền với tri thức toàn thể. Mỗi khoa học là một sự trừu tượng hóa từ cái toàn thể, nội dung chủ yếu của nó được tiếp cận bởi một phương pháp riêng biệt phù hợp với nội dung chủ yếu của nó.¹⁹¹

¹⁸⁶ Leslie Armour, *op.cit.*, 12

¹⁸⁷ *Ibid.*, 12

¹⁸⁸ Bùi Văn Nam Sơn, *op.cit.*, 259-262

¹⁸⁹ Nguyễn Xuân Xanh, *Đại học- Định chế giáo dục cao thay đổi thế giới từ Trung Cổ đến Hiện đại*, (HCM: Tổng Hợp Tp HCM, 2019), 27- 30

¹⁹⁰ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 125- 126

¹⁹¹ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 53

Newman định nghĩa đại học là nơi truyền tải tri thức phổ quát (universal knowledge)¹⁹², nơi gặp gỡ của tất cả các khoa học: “Đại học là giảng đường của tri thức phổ quát”¹⁹³, bao gồm các giảng viên và học viên đến từ mọi lĩnh vực tri thức khác nhau”.¹⁹⁴ Ý niệm của Đại học hệ tại tính thống nhất của tri thức, hệ tại mối liên hệ hỗ tương của tất cả các lĩnh vực tri thức theo khái niệm “vòng tròn tri thức”.¹⁹⁵

Hạn từ “phổ quát (universal)” trong “tri thức phổ quát” ngụ ý rằng tất cả các thành phần riêng lẻ đều trở nên một.¹⁹⁶ “Tri thức phổ quát” tương ứng với tính chất thống nhất của tri thức: khát vọng suy xét sự vật một cách đầy đủ vốn thúc đẩy người học chiêm ngắm tới đa những vấn đề liên quan đến sự vật, do đó đặc tính đích thực của một đại học không phải là giảng dạy tất cả các khoa học, cho bằng bất cứ khoa học nào được giảng dạy, phải được giảng dạy trong một tinh thần phổ quát (a spirit of universality).¹⁹⁷ Giữa các khoa học đều có mối liên hệ hỗ tương, nên thật khó để loại trừ một ngành khoa học nào đó ra khỏi chương trình giảng dạy của đại học. Tuy nhiên, trong thực tế điều này tỏ ra bất khả thi vì tính rộng lớn của các lĩnh vực khoa học. Do đó, khi nói giảng dạy một khoa học riêng lẻ với tinh thần phổ quát có thể được hiểu là khảo sát đặc tính duy nhất của những khoa học được giảng dạy dưới tầm nhìn thống nhất của tri thức. Chỉ với việc giảng dạy tri thức phổ quát, đại học mới có thể truyền tải chân lý cách đúng đắn.¹⁹⁸

Trong vòng tròn tri thức, mỗi khoa học đều có giá trị không thể thay thế, mỗi khoa học thi hành một nhiệm vụ riêng biệt phù hợp với nguyên tắc tri thức luận của chính nó. Mỗi khoa học chỉ nghiên cứu khía cạnh thực tại của chính nó, bị giới hạn trong sự trác việt của phương pháp và quan điểm về thực tại của chính nó. Tuy nhiên, giữa các khoa học riêng lẻ tồn tại một số cố kết cũng như các lĩnh vực tri thức làm thành một tổng thể. Mỗi khoa học cần đến các khoa học khác để được bổ túc, cân bằng và tìm được ý nghĩa tối đa của chính mình.

Tất cả các lĩnh vực tri thức đều liên hệ đến nhau, bởi vì nội dung chủ yếu (subject-matter) của tri thức được liên kết mật thiết với nhau trong chính nó, như những hành động và kỳ công của Đấng Tạo Hoá. Đó đó các khoa học, nơi đó tri thức của chúng ta được khuôn đúc, có những mối liên hệ đa diện với nhau, và một sự đồng tình, và đón nhận nội tại, hơn là đòi hỏi, so sánh và hiệu chỉnh. Chúng kiên toàn, hiệu chỉnh và cân bằng lẫn nhau...Chú ý thái quá đến một khoa học thì không công bằng cho khoa học khác, hờ hững hay bỏ bê khoa học này tức đang đẩy chúng ra khỏi vị trí đáng ra chúng phải có. Đó là sự phá rối đường ranh giới giữa khoa học và khoa học, làm nhiều loạn ảnh hưởng của chúng, phá vỡ mối hài hoà vốn ràng buộc chúng với nhau...¹⁹⁹

Trong ý nghĩa này, đại học có sứ mệnh xác định ranh giới của từng khoa học, xác lập các mối tương quan hỗ tương giữa các khoa học khác nhau, bảo đảm tính hài hoà giữa những khoa học tưởng chừng như trái ngược nhau, đồng thời quy hướng những tương phản thành lợi ích chung (common good).²⁰⁰ Theo Newman, để chu toàn sứ mệnh này, đại học cần đến sự hỗ trợ của

¹⁹² Ibid., Preface

¹⁹³ “Rise & Progress of Universities,” John Henry Newman, accessed March 04, 2021, <https://www.newmanreader.org/works/historical/volume3/universities/chapter2.html>

¹⁹⁴ Ibid.,

¹⁹⁵ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 63

¹⁹⁶ A. Dwight Culler, *op.cit.*, 180

¹⁹⁷ Ibid.,

¹⁹⁸ Ibid.,

¹⁹⁹ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 94

²⁰⁰ Ibid., 458

triết học- khoa học của các khoa học²⁰¹, một tình trạng của tâm trí đã được hun đúc sau một tiến trình trui rèn dưới nền giáo dục khai phóng khả thể tri nhận giá trị từng khoa học riêng biệt, nền tảng siêu hình và mối liên hệ hỗ tương giữa chúng.

Newman nhìn nhận giá trị nội tại của từng khoa học, tuy nhiên, ông ôm ấp một thái độ đúng mực đối với nó. Đối với ông, khoa học chưa bao giờ đóng vai trò cứu cánh cho người học, trái lại ngang qua khoa học, Newman luôn muốn hướng người học tới một thực tại cao hơn. Mối liên hệ giữa các khoa học tương ứng với liên hệ giữa các thực tại (facts). Các hiện hữu làm thành một “thực tại liên hiệp” (complex fact), một tổng thể, bao hàm vô số các thực tại đặc thù vốn thiết đặt vô số các mối liên hệ: giữa các màu nhiệm của bản thể thánh thiêng và cảm thức con người, giữa những mệnh lệnh tối cao nhất của Thượng Đế và những biến cố tình cờ của hiện hữu. Các mối liên hệ này cấu thành nên “chân lý” vốn “phong phú về hình thức (multiform)” phù hợp với những phạm vi nghiên cứu, khảo sát, kiểm nghiệm vốn nhất quán của các khoa học khác nhau, mặc dù đôi khi có vẻ mâu thuẫn và xung đột. Kỳ thực, cũng giống như ý niệm thực sự (real ideas) chân lý chỉ có một và chân lý không thể mâu thuẫn với chân lý.²⁰²

Đại học phải là nơi cung cấp một nền giáo dục khai phóng cho sinh viên, mục đích cốt lõi là giáo hoá người học xét như là một nhân vị độc sáng, là nơi mà “vô số những chủ thể gặp gỡ nhau và cộng tác với nhau trong tự do để học hỏi lẫn nhau”²⁰³, đồng thời cũng là nơi thấp lên lòng yêu mến sự hoàn hảo và vẻ đẹp của tâm trí.²⁰⁴ Theo đó, đặc tính thống nhất của ngành khoa học trong ý niệm đại học, một mặt, được đặt nền tảng trên tính thống nhất của tri thức, mặt khác, được thành tựu ngang qua những chủ thể vừa độc sáng vừa mang tính liên chủ thể tận tình dấn thân cho giáo dục. Với lý tưởng bao hàm những khoa học khả thể tri nhận trong đại học, Newman trước hết ngụ ý đón nhận những chủ thể mong muốn theo đuổi khoa học đó.²⁰⁵ Đại học theo ý nghĩa này còn là một cộng đồng tri thức, nơi hun đúc nên những giá trị nhân văn cao quý.

1.4. Tính nhân văn

Newman tin nhận vào bản tính siêu vượt của con người, đối với ông con người có phẩm giá không thể giản trừ thành những ngành nghề hay một thực tại trần thế nào.²⁰⁶ Do đó, trong ý niệm của một đại học, Newman đặc biệt nhấn mạnh vào việc thăng tiến phẩm giá của con người trước nhất. “Đại học bao giờ cũng là *universitas generis humani*, là nhân loại hiểu như một nhất thể. Tính người là thiêng liêng: chính nó mang lại phẩm giá cho từng mỗi cá nhân.”²⁰⁷

Tầm nhìn của Newman về giáo dục không chỉ là một lý thuyết về kiến thức, nhưng còn là bận tâm về người học được trở nên người tham dự chủ động chứ không chỉ là khán giả trên hành trình tiến đến tri thức phổ quát: Giáo dục bàn về sự gia tăng tâm trí và con tim²⁰⁸ của người học,

²⁰¹ Lý giải cho việc Thần học không đóng vai trò cai quản trong vòng tròn khoa học John Goyette và William Mathie cho rằng Thần học gặp nhiều chông đờ từ các khoa học đời (Dicourse II). Ngoài ra, Diễn ngôn II- V: triết học xét như một khoa học thế tục có khuynh hướng thay đổi và điều chỉnh những chân lý của thần học, với tập quán triết học của tâm trí bao hàm một năng lực sáng tạo của hình thành (forming) và hội nhất (uniting), tiêu hoá những gì chủ thể biết và khai phá. (Cf. John Goyette và William Mathie, *The Idea of a Catholic University: Newman on The Role of Theology In a Liberal Education*, 89-91)

²⁰² John Henry Newman, *The Idea of a University*, 461

²⁰³ Ibid., 146

²⁰⁴ Ibid., 122

²⁰⁵ Ibid., 21

²⁰⁶ Reed Frey, *op.cit.*, 14

²⁰⁷ “Ý niệm đại học như một giá trị cốt lõi,” Bùi Văn Nam Sơn, accessed March 10, 2021, <https://hpdf.vn/vn/y-niem-dai-hoc-nhu-mot-gia-tri-cot-loi-bui-van-nam-son/>

²⁰⁸ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 503

giúp họ triển nở trong tư cách là những nhân vị để sống trong sự thật. Đại học, trước hết, phải là không gian để một người khai phá những giá trị trong bản tính con người cao quý của mình. Con người là con người với năng lực tư duy khả thể vươn tới chân lý trước khi bị giới hạn vào một ngành nghề cụ thể. Do đó, người học phải trở nên trung tâm trong nền giáo dục đại học, được vun bồi tâm trí để bén nhạy và trở có nên năng lực và nhạy cảm với tính thống nhất của tri thức. Với việc nắm bắt tính toàn bộ này, người học khả thể đảm nhận bất cứ ngành nghề đặc thù nào.²⁰⁹

Đại học không phải là chỗ của giáo dục hướng nghiệp. Các đại học không chú ý dạy tri thức cần thiết để làm cho con người phù hợp với các cách kiếm sống nào đó. Mục tiêu của đại học không phải tạo ra các luật gia, bác sĩ, hay kỹ sư có kỹ năng, mà tạo ra những con người có tâm trí trác việt với những năng lực đa dạng như tư duy, phản tư. Con người là con người, trước khi con người là luật gia, bác sĩ, nhà kinh doanh, hay nhà sản xuất; và nếu chúng ta làm cho họ trở thành những người có năng lực và một trí tuệ bén nhạy, họ sẽ biết cách làm cho họ trở thành những luật gia hay bác sĩ có năng lực.²¹⁰

Trong bản chất của nó, đại học là một không gian rộng lớn dành cho sự thông truyền tư tưởng, ngang qua những trao đổi cá vị về nhiều lĩnh vực.²¹¹ Hướng đến tính “nhân văn” (humanitas) trong sự thống nhất giữa nghiên cứu và giảng dạy, nền giáo dục đúng nghĩa chỉ có thể hình thành trong sự trao đổi ý kiến “của mọi người với mọi người”, trong sự giao tiếp và truyền thông giữa người dạy và người học.²¹² Vì cùng nhau mưu cầu chân lý, nên những chủ thể có mặt trong đại học sẽ không tương tác với nhau theo kiểu cạnh tranh sinh tồn, trái lại họ thiết đặt nên một cộng đồng tri thức trong một nền giáo dục khai phóng: khi sống trong một cộng đồng như thế, sinh viên học hỏi lẫn nhau, ngang qua những cuộc trao đổi mỗi người sẽ thu đắc được những ý tưởng mới, những góc nhìn mới và những nguyên lý đặc biệt cho phán đoán và hành động.²¹³

Các thành viên trong đại học cùng nhau thiết đặt nên một cộng đồng tri thức, nơi đó, những cuộc gặp gỡ, trao đổi trong thái độ mưu cầu tri thức đúng đắn trở nên những bài học sống động cho nhau. Ngang qua những mối tương quan liên vị (interrelation) cùng những tương tác liên vị (intercommunion), các cá nhân đến từ nhiều lĩnh vực tri thức khoa học khác nhau sẽ bổ túc, hiệu chỉnh, soi sáng lẫn nhau.²¹⁴

Newman nhấn mạnh đến việc thiết lập một mối giây tương quan cá vị giữa người học và giảng sư. Yếu tố cá vị trong giảng dạy là hết sức quan trọng. Nền giáo dục thực thụ đòi hỏi ảnh hưởng cá vị của giảng sư trên người học: “Một hệ thống học thuật không có sự ảnh hưởng cá vị của các giảng sư trên người học sẽ như một mùa đông băng giá; một đại học bị đóng băng (ice-bound), tê liệt (petrified), cứng cỏi (cast-iron).”²¹⁵ Chân lý được thông truyền chính yếu bằng nhân chứng mặt đối mặt, không có một tương quan cá vị như thế, chúng ta không nhận ra sự tồn tại của nó: không có một cuốn sách nào có thể chuyển tải những dấu ấn chân lý vốn phức tạp và đa dạng trong các lĩnh vực tri thức nhanh chóng và chắc chắn cho bằng sự đồng cảm giữa

²⁰⁹ Ibid., 166

²¹⁰ Ibid., 106

²¹¹ “Rise & Progress of Universities,” John Henry Newman, accessed March 04, 2021, <https://www.newmanreader.org/works/historical/volume3/universities/chapter2.html>.

²¹² “Ý niệm đại học như một giá trị cốt lõi,” Bùi Văn Nam Sơn, accessed March 10, 2021, <https://hpdf.vn/vn/y-niem-dai-hoc-nhu-mot-gia-tri-cot-loi-bui-van-nam-son/>

²¹³ Cf. John Henry Newman, *The Idea of a University*, 146-147

²¹⁴ Ibid., 147

²¹⁵ “Rise & Progress of Universities,” John Henry Newman, accessed March 04, 2021, <https://www.newmanreader.org/works/historical/volume3/universities/chapter2.html>.

tâm trí với tâm trí phát xuất từ những con người cùng những cách bày tỏ ý kiến sống động.²¹⁶ Sau này, Newman đã chọn câu khẩu hiệu Trái tim nói với trái tim (Cor ad cor loquitur) để làm ý lực sống cho cuộc đời còn lại của mình, đây được xem như một tóm kết gần như toàn bộ cuộc sống và sự nghiệp giáo dục của ông.²¹⁷

Vào thời của Newman, dưới những ảnh hưởng của chủ nghĩa duy nghiệm, đặc biệt với sự phát triển của khoa học, những hình thái tri thức truyền thống dường như bị xem nhẹ.²¹⁸ Trái lại, Newman cho rằng tri thức truyền thống như một *cứ điểm* (*genius loci*) bao hàm những giá trị, cung cấp những nguyên lý cho sự phát triển con người.²¹⁹ “Giá trị của truyền thống nằm trong những ý niệm trung dung (mediated ideas) của nó vốn biểu lộ sự khôn ngoan có tính chất xã hội, những chân lý vững bền... *Cứ điểm* này liên kết các cá nhân trong xã hội, mặc cho những quyền lực khả thể gây nên những chia rẽ.”²²⁰ “Nhân loại đã để lại một kho tàng nhân văn vĩ đại đầy chất sống thực trong mọi lãnh vực hoạt động sáng tạo của con người, từ nghệ thuật đến khoa học, chứa đầy những ý tưởng bổ ích. Bỏ kho tàng đi thì giống như một nhà nghèo mà vứt bỏ cả kho báu.”²²¹

Các bản văn cổ điển rất quan trọng không phải vì chúng cổ xưa, nhưng vì chúng là một sự khởi đầu cho một sự khai phóng đặc biệt, với năng lực khai mở tâm trí con người. Quả thế người học muốn khai phá ra sự khôn ngoan của chính mình trên thế giới này phải ra khỏi chính mình, phải cho phép mình trở nên những người xa lạ trên chính đất nước của mình. Làm cho người học trở nên tự do, chúng ta sẽ tìm lại niềm tin và những phương thế mà bất cứ người nào với bất cứ kinh nghiệm nào cũng có thể chia sẻ cuộc đàm luận của tâm trí, văn hoá và sự tự chủ đã diễn ra từ xa xưa.²²²

Đại học phải là Bà Mẹ (Alma Mater), biết con cái của bà từng người một cách cá vị, chứ không phải là một xưởng đúc, tẻ nhạt, một loại công xưởng.²²³ Đại học là nơi gia tăng phẩm tính của một chủ thể xét như là một nhân vị độc đáo, tạo lập sự hài hoà giữa các khoa học khác nhau, đặc biệt là không gian kiến tạo hoà bình giữa các nhà khoa học thuộc các lĩnh vực tri thức khác nhau đến từ mọi nơi. Một thế giới đại đồng đang được và sẽ thành hình trong bầu khí tri thức nơi đại học.

a. *Vai trò của Triết học*

Nếu triết học đã từng được đề cập đến như một lĩnh vực tri thức bảo đảm cho sự tri nhận tính thống nhất của tri thức, thì trong ý niệm của một đại học, triết học cũng được nhìn nhận như khoa học có triển vọng giúp người học thấu nhận giá trị đặc biệt của từng khoa học, hiểu biết mối quan hệ hỗ tương giữa các khoa học với nhau, tiệm cận với chân lý vốn được xem như một thực tại tổng hoà các mối tương liên giữa các khoa học với nhau.²²⁴

Theo Newman, một cách tổng quan triết học “là lý trí được trui rèn dựa trên tri thức...là năng lực quy chiếu mọi khoa học vào vị trí đúng đắn của nó trong hệ thống tri thức phổ quát...là sự

²¹⁶ Ibid.,

²¹⁷ “Heart Speaks to Heart: Saint John Henry Newman’s Educational Ideals,” Fr. John McNerney, accessed March 04, 2021, <https://ihe.catholic.edu/heart-speaks-to-heart-st-john-henry-newmans-educational-ideals/>

²¹⁸ Lawler-Brunner, *op.cit.*, 33

²¹⁹ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 111

²²⁰ Lawler-Brunner, *op.cit.*, 56

²²¹ Fareed Zakaria, *op.cit.*, 25

²²² Anthony O’Hear and Marc Sidwell, *op.cit.*, 37

²²³ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 144- 145

²²⁴ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 51

nhận thức toàn thể trong từng thành phần, cùng đích trong sự khởi đầu, giá trị của những ngãt quang, chừng mực của sự tri hoãn trong sự vận hành của vòng tròn tri thức.”²²⁵

Triết học cũng thực thi vai trò của mình trong mỗi khoa học riêng biệt, khi nó “phân loại và sắp xếp các thực tại; quy chiếu các hiện tượng riêng lẻ và một quy luật chung, truy nguyên nguồn gốc của những tác động”.²²⁶ Đồng thời, tập hợp một chuỗi những dấu vết trong sự biểu lộ của toàn thể.²²⁷

Triết học không chỉ thiết lập các ranh giới cho các khoa học khác nhau nhưng còn minh định “những gì khả thể tri nhận trong mỗi phạm vi của tư tưởng; khi nào chúng ta phải hài lòng với những gì chưa biết, phương diện nào thì sự khảo sát là vô vọng, phương diện nào khả thể; nơi nào là phức tạp khiến trí óc không giải quyết được, nơi nào khoa học được xem là huyền bí, hay rơi vào vực sâu. Triết học trở nên thân quen với dấu hiện của những khó khăn rõ ràng và đích thực, với những phương pháp xác đáng cho từng chủ đề riêng biệt.”²²⁸

Nếu không có triết học, ý niệm về sự gặp gỡ giữa các khoa học khác nhau trong đại học sẽ khó có thể được tri nhận cách dễ dàng. Quả thế, đại học không thể chỉ đặt nền trên những nhu cầu hữu hình của những người theo chủ nghĩa vị lợi, trái lại chính nó phải đặt nền trên “một ý niệm, một viễn cảnh, một nguyên lý trí tuệ”.²²⁹ Với triết học, tâm trí của một chủ thể sẽ đảm nhận tất cả những phản tư về thế giới được biểu lộ ngang qua các tất cả các khoa học, các phương pháp, quy tụ tất cả các nguyên lý, các học thuyết, các chân lý một cách chính xác trong cái nhìn quy hướng đến tổng thể.²³⁰

Bởi tất cả những vai trò này, triết học là hình thái trác việt nhất của tri thức, và một chủ thể với tập quán triết học nơi tâm trí là đích điểm trong nền giáo dục khai phóng theo Newman, đó là sự thành toàn của trí tuệ và sự mở rộng tâm trí đích thực.

Ý niệm của một đại học cùng một số những đặc nét nổi trội như trên đã phân nào cho thấy “ý niệm phát triển từ triết học, không chỉ dựa trên một tiến trình lịch sử đã qua, nhưng còn là một ý niệm sẽ điều hướng diễn trình trong tương lai...Không một cơ quan, tổ chức hay xã hội nào có thể trường tồn mà không tìm ra và bảo vệ những giá trị cốt lõi. Hiểu theo nghĩa ấy, biết đâu ý niệm có khi mạnh hơn thực tại, vì nó định hình thực tại?”²³¹ Quả thế, ý niệm khả thể tác động đến những thực tại khách quan và biến đổi bản tính con người; khơi gợi tư tưởng nơi người khác, thay đổi nhận thức và biến đổi thực tại.²³²

2. Chủ thể với tập quán triết học trong tâm trí

Giáo dục khai phóng là một tiến trình giáo hoá tâm trí.²³³ Newman gọi sự thành toàn của tâm trí bằng danh xưng “triết học, tri thức triết học, sự mở rộng tâm trí hay sự soi sáng”²³⁴, và chủ thể sử hữu những phẩm tính này được gọi là “chủ thể với tập quán triết học trong tâm trí (a man with philosophical habit of mind)”.²³⁵ Chủ thể với tập quán triết học là một hiện thể sống động

²²⁵ Ibid., 139

²²⁶ Ibid., 53

²²⁷ Ibid., 75

²²⁸ Ibid., 461

²²⁹ Ibid., 423

²³⁰ Ibid., 371-372

²³¹ Bùi Văn Nam Sơn, *op.cit.*, 262

²³² Lawler-Brunner, *op.cit.*, 12

²³³ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 130

²³⁴ Ibid., 125

²³⁵ Ibid., 51

của nguyên lý thống nhất của tri thức theo Newman: Tri thức đồng thời vừa có tính toàn thể trong phạm vi, vừa hiệp nhất trong đặc nét, nên chủ thể sở hữu tri thức này là một dạng thức của đại học thu nhỏ.²³⁶

Newman tri nhận sự giáo hoá tâm trí là một tiến trình tập quán hoá (habituation).²³⁷ “Con mắt thể lý, cơ phận để tri nhận những đối tượng vật chất, được tự nhiên ban cho; đôi mắt của tâm trí, mà đối tượng của nó là chân lý (truth) là công việc của kỷ luật và tập quán”.²³⁸ Cùng đích của giáo dục khai phóng là “một sự rọi sáng”:

Khả năng chiêm ngắm tri thức như toàn thể của nó, tri nhận và đánh giá đúng giá trị của các tri thức thành phần, đồng thời xác minh mối tương quan của các thành phần trong một tổng thể... Sự kiện toàn đa dạng của các năng lực nơi tâm trí.²³⁹

Sự rọi sáng còn là một tập quán, một sự thủ đắc mang tính cá vi, và một tài năng trong tâm trí.²⁴⁰

Tập quán có nguồn gốc tiếng Hy Lạp là “Hexis” phái sinh từ động từ Hy Lạp “echein”, nghĩa là “có-to have” hay “nắm giữ như một tài sản- to hold as a possession”, hay “trở nên một trạng thái chắc chắn”. Nó biểu thị một thái độ hay một cách thức tri nhận hiện thời vững bền vốn đã được thiết đặt bởi những hành động lặp đi lặp lại. Hexis được các triết gia dịch sang tiếng Latin là habitus, trong tiếng anh là “habit”. Một tâm trí lành mạnh đã được giáo hoá thủ đắc một thiện chí mạnh mẽ hướng về việc mưu cầu và tri nhận chân lý.²⁴¹

Tập quán triết học được hình thành cùng với việc lặp đi lặp lại hành động mãnh liệt và tức thì của tâm trí dựa trên, hướng về, và ngay giữa những ý niệm mới đang đổ dồn lên nó. Đó là hành động có sức năng tác thành (formative power), quy chiếu về trật tự và ý nghĩa của lĩnh vực tri thức mà tâm trí đang thấu nhận. Hành động này diễn ra khi tâm trí tiêu hoá “những đối tượng của tri thức” qua việc nội tâm hoá chúng. “Đó là một chuyển động hướng về trung tâm trí tuệ (mental centre) vốn đưa đến một hệ quả bao gồm những gì chúng ta biết và những gì chúng ta đang học. Tiến trình này bao hàm sự phân tích so sánh và dẫn tới sự phán đoán và hệ thống hoá đã được cung cấp trong khi vẫn mở ra cho sự xét lại.”²⁴² Trái ngược với hành động có sức năng tác thành của tâm trí là hành vi thấu nhận tri thức một cách thụ động: chủ thể tiếp nhận tri thức không cố gắng đối chiếu các lĩnh vực tri thức khác nhau nhằm tìm ra tính chất riêng của từng loại, mối liên hệ hỗ tương giữa chúng. Sự thấu nhận tri thức một cách thụ động giống như một người bộ hành đi đến một miền đất xa lạ, anh nhìn những cảnh vật trước mắt mình mà không nói lên được một ý nghĩa, một lịch sử hay triển vọng nào liên quan đến chúng, những cảnh vật đến rồi đi, tâm trí anh ta chẳng có gì thay đổi.

Triết học làm cho mối dây liên hệ giữa các khoa học trong vòng tròn tri thức, cũng như phạm vi của từng khoa học khả thể tri nhận. Tập quán triết học là năng lực tri nhận nhiều khoa học đồng thời trong cùng một hệ thống, quy chiếu chúng một cách riêng biệt đến vị trí đúng đắn của chúng trong hệ thống của tri thức phổ quát, là năng lực hiểu biết các giá trị riêng biệt của

²³⁶ Cf. A. Dwight Culler, *op.cit.*, 190-191

²³⁷ Mary Katherine Tillman, *The Philosophic Habit of Mind: Aristotle and Newman on the End of Liberal Education*, (University of Notre Dame, 2020), 18

²³⁸ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 135

²³⁹ x. John Henry Newman, *The Idea of a University*, 137, 5 (Dưới nhãn quan tôn giáo, Newman cho rằng chủ thể với tập quán triết học triển vọng vươn tới sự hiểu biết về sự vật như chính nó là trong sự rọi sáng thần linh (divine illumination)).

²⁴⁰ *Ibid.*, 113

²⁴¹ Mary Katherine Tillman, *op.cit.*, 18

²⁴² Cf. John Henry Newman, *The Idea of a University*, 134-135

từng khoa học, và định rõ mối liên hệ hỗ tương giữa chúng.²⁴³ Đối với Newman, đây là tình trạng tâm trí cao nhất mà con người có thể khao khát.²⁴⁴ Tập quán triết học của tâm trí bảo đảm sự quân bình, cân đối, và tính toàn thể của sự trác việt trí tuệ, bởi chung các khoa học mà nó phản tư đều có mối liên hệ hỗ tương, sự thống nhất nội tại giữa chúng.

Chủ thể với tập quán triết học hiểu rõ những nét đại cương chính yếu của từng khoa học, các nguyên lý của nó, phạm vi của từng phần trong nó, sự soi sáng (lights) và bóng tối (shades) của nó, những điểm trọng tâm cũng như sự nhỏ bé của nó, điều mà những người khác không hiểu được...thủ đắc những thuộc tính là tự do, công bằng (equitableness), điềm tĩnh (calmness), tiết độ (moderation), và khôn ngoan (wisdom).²⁴⁵

Nếu như thành Rome không thể xây trong một ngày thì việc thủ đắc tập quán triết học nơi tâm trí cũng phải là một tiến trình đòi hỏi nhiều cố gắng và nỗ lực của người học. Khởi đi từ một vài những ý tưởng vững chãi, người học miệt mài theo đuổi, một vài những ý niệm sâu sắc, phong phú, quan trọng sẽ mọc lên từ đó cho đến khi nó được phát triển trong một hệ thống lớn.²⁴⁶

Nếu muốn tăng trưởng tâm trí, trước hết, chúng ta phải dám “lội ngược dòng”, chúng ta không thể bằng lòng với những tri thức phổ thông, trái lại phải khái quát hoá (generalize), phải nắm bắt được phương pháp, phải có một sự am hiểu về các nguyên lý, để phân loại, xếp đặt những hiểu biết của chúng ta ngang qua các nguyên lý đó. Không quá bận tâm đến việc lĩnh vực tri thức mà chúng ta đang khảo cứu là rộng lớn hay có giới hạn. Trong mọi trường hợp, hãy làm chủ nó...hãy vượt lên trên những tri thức của chúng ta, nếu không tri thức sẽ đè bẹp chúng ta, và lúc ấy càng có nhiều tri thức chúng ta càng cảm thấy quá tải.²⁴⁷

Với việc làm chủ tri thức, người học khả thể đảm nhận việc khảo sát chuyên môn của mình một cách tối đa, đồng thời dự phần vào một sự hiểu biết tự do với nhiều tri thức thuộc các lĩnh vực khác nhau, nắm bắt nó trong tinh thần của năng lực quan sát tổng quát.²⁴⁸ Nói cách khác người học đảm nhận một khảo sát liên môn, đạt tới một sự mở rộng tâm trí, một sự soi sáng đặc biệt.

Điều đáng lưu ý, khi đề cập đến tập quán triết học như là “năng lực tri nhận nhiều khoa học đồng thời trong cùng một hệ thống, quy chiếu chúng một cách riêng biệt đến vị trí đúng đắn của chúng trong hệ thống của tri thức phổ quát” không đơn thuần là việc tập hợp những khoa học đơn lẻ lại với nhau nhưng trước hết là phối hợp bản chất (essence) và cốt tủy của nhiều sự vật khác nhau, trích xuất từ nhiều các quan điểm và nguyên lý khác nhau.²⁴⁹ Bằng cách đó, người học mở rộng phạm vi nghiên cứu làm gia tăng tri thức và năng lực trí tuệ. Quả thật, các ý niệm hoạt động không như những đơn tử riêng lẻ, nhưng bằng việc phân loại và tổ hợp, nhờ đó các sự vật được đặt để trong phạm vi đúng đắn của cùng cơ năng của tâm trí, đan kết và xác minh lẫn nhau. Những phán đoán đúng đắn là kết quả của sự đối chiếu và phân định. Một khi tập quán triết học được hình thành, người học có khả năng phân định giữa đúng và sai, khả thể sàng lọc ra những hạt chân lý từ đồng tri thức hỗn độn.²⁵⁰

²⁴³ Ibid., 122-123

²⁴⁴ Mary Katherine Tillman, *op.cit.*, 21

²⁴⁵ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 96

²⁴⁶ Ibid., 477

²⁴⁷ Ibid., 141

²⁴⁸ Ibid., 172

²⁴⁹ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 174

²⁵⁰ Ibid., 152

Chủ thể với tập quán triết học khác biệt với chủ thể với một ý niệm “a man of one idea”²⁵¹: Chủ thể tri nhận các sự vật, thậm chí các sự thật chỉ từ một khía cạnh hay một quan điểm, tâm trí của người này không đủ sâu rộng, không có sự tham chiếu đến các quan điểm khác để có cái nhìn dưới lăng kính phổ quát của tri thức... họ sở đắc tâm trí chật hẹp (small-minded).²⁵² Càng dần thân vào phương pháp và những đòi hỏi trong chuyên môn riêng của mình, chủ thể với một ý niệm càng có ít khả năng để đáp ứng yêu cầu của những hoàn cảnh khác. Ngoài ra với lòng nhiệt thành cho chuyên môn của mình, anh ta có nguy cơ loại trừ hay không nhìn nhận về đẹp nơi các khoa học khác.²⁵³

Vấn đề được đặt ra, liệu một chủ thể với tập quán triết học nơi tâm trí sẽ đóng góp như thế nào cho thế giới, cho xã hội mà anh ta đang thuộc về?

Theo luận lý của Newman trước đây, nếu tri thức khai phóng và giáo dục khai phóng là tốt trong chính nó thì nó cũng trở nên hữu dụng. Không phải mọi cái hữu dụng đều tốt, nhưng mọi cái tốt đều luôn hữu dụng.²⁵⁴ Theo đó, tập quán triết học là tốt trong chính nó cũng sẽ hữu dụng cho chủ thể sở đắc nó cùng những người xung quanh. “Những gì cần thiết cho một điều gì đó hiện hữu thì nó cũng cần thiết cho sự thịnh vượng hay “tính toàn thể- integrity”.”²⁵⁵ Quả thể đối với Newman : không ai được sinh ra cho chính mình, sự thành toàn của một người trong sự giáo hoá tâm trí, trong sự gia tăng điều thiện và sự thật nhờ tri thức và sự học có triển vọng rọi sáng đất nước và tha nhân.²⁵⁶ Giáo dục đại học nhắm tới việc gầy dựng thần thái trí tuệ cho xã hội, giáo hoá tâm trí quần chúng, thanh lọc thị hiếu quốc gia, cung ứng các nguyên lý đúng đắn cho lòng nhiệt thành của thường dân, mở rộng và điều tiết những ý niệm của thời đại, cô võ quyền lực chính trị hợp pháp, làm mới lại các tương giao trong xã hội.²⁵⁷ Đồng thời, chuẩn bị người học cho bất cứ chức vụ nào với lòng tín nhiệm, để làm chủ bất cứ chủ đề nào với sự dễ dàng, hướng dẫn người học cách thức điều chỉnh chính mình để cộng tác với người khác, làm sao để đi vào tình trạng tâm trí của người khác, để thấu hiểu họ, và để liên đới với họ. Anh ta trở nên thân thuộc với bất cứ xã hội nào, anh ta có nền tảng chung với hết thảy các tầng lớp.²⁵⁸

“Tâm trí con người hoạt động mạnh mẽ cùng với các giác quan khả thể tri nhận những điều vượt lên trên những hiện tượng vật lý... mặc cho chúng một ý nghĩa, và khảo sát chúng với một ý niệm.”²⁵⁹ Trong nền giáo dục khai phóng, với việc theo đuổi việc học một cách tự do, bằng lòng kiên trì, người học khả thể thủ đắc cho mình một tập quán triết học nơi tâm trí- một tập quán giúp chủ thể nhận ra những nguyên lý ẩn tàng đằng sau mỗi khoa học, những nguyên lý tạo lập mối tương liên giữa các khoa học với nhau trong cùng một vòng tròn tri thức. Từ đó hun đúc nên một chủ thể sẵn sàng đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau của xã hội. Với điểm đến là tập quán triết học nơi tâm trí, giáo dục khai phóng không nhắm chỉ trước hết đến việc sản sinh ra những lợi tức vật chất cho bằng khả năng yêu mến và truy tìm chân lý nơi người học.²⁶⁰

²⁵¹ Ibid., 77

²⁵² Mary Katherine Tillman, *op.cit.*, 22

²⁵³ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 507

²⁵⁴ Ibid., 164

²⁵⁵ Mary Katherine Tillman, *op.cit.*, 24

²⁵⁶ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 482

²⁵⁷ Ibid., 177- 178

²⁵⁸ Ibid.

²⁵⁹ Ibid., 125

²⁶⁰ Ibid., 107

Phản Kết Luận

1. Những khả thể đóng góp

Những tư tưởng về giáo dục khai phóng của Newman không chỉ được áp dụng khá thành công vào đại học Ireland thời đó, nhưng còn truyền cảm hứng cho nhiều tổ chức giáo dục hôm nay.²⁶¹ Quả thế, triết lý giáo dục của Newman đã trở thành tham chiếu quan trọng cho các thể hệ mai sau khi bàn đến giáo dục (đại học).²⁶²

Đóng góp căn bản về mặt tri thức luận. Đối với Newman, con người tự bản chất có lòng hiếu tri, và tri thức là một trong những phương thế cần thiết giúp con người vươn tới sự thành toàn phẩm giá. Bởi lẽ, tri thức là một trong những lối nẻo đưa con người đến gần với chân lý phổ quát. Tuy nhiên, trong thực tế, tri thức không ít lần đã bị lạm dụng trở nên công cụ làm sứt mòn phẩm giá con người. Đó là thái độ kiêu ngạo, mù quáng của một số nhà chuyên môn tự cho lĩnh vực tri thức của mình là chân lý toàn diện trong thời của Newman. Ngoài ra, tri thức có thể được sử dụng cho những mục đích xấu xa, để thâm tóm quyền lực, khẳng định vị thế, dẫn đến những cuộc chiến giữa người với người, giữa quốc gia với quốc gia.²⁶³ Với học thuyết về tri thức khai phóng, Newman đã cố gắng trả lại chân giá trị cho tri thức vốn là sự phản ánh về đẹp của chân lý, cần được theo đuổi vì lợi ích của chính nó vượt lên trên những mục đích ngoại tại. Tri thức khi được suy nghiệm với một ý hướng vô vị lợi có triển vọng trở nên một phản ánh của chân lý đầy đủ hơn cho con người.

Về mặt nhân học, đặt nền trên tính thống nhất của tri thức, Newman đề nghị một nhân sinh quan sâu sắc và khá toàn diện. Trong chiều sâu của nó, con người là một hữu thể thuộc linh vốn bao hàm những khía cạnh “khôn dò khôn thấu” siêu vượt trên những tri thức thường nghiệm. Trong tương quan với thế giới, con người là một chủ thể liên vị tính, hiện hữu cùng, với và cho tha nhân. Phẩm giá con người không thể bị giản trừ trong một chuyên môn cố định. Trong bối cảnh công nghiệp hoá hiện nay, con người cần một công việc để gia tăng phẩm giá làm người, nhưng có một sự thật rằng công việc không thể đánh đồng với nhân cách con người: Công việc có thể mất đi, nhưng phẩm giá con người còn mãi. Tương tự, đứng trước những vấn đề mang tính toàn cầu, một tâm trí mở trong một cộng đồng tri thức liên môn được đề nghị bởi Newman có triển vọng đề ra những giải pháp hữu hiệu. Tắt một lời, một nền giáo dục đích thực thì tập chú vào việc thăng tiến con người trước hết, trái lại sẽ là công cụ tạo ra hàng loạt những công cụ khác.

Không thể phủ nhận những đóng góp của Newman cho nền triết học tâm trí (philosophy of mind), có đối tượng là tâm trí và sức mạnh của nó. Tâm trí con người được phú bẩm khả năng hướng chiều về chân lý. Ngang qua những thao tác năng động, sáng tạo trên tri thức khai phóng, tâm trí được trui rèn để đạt đến tình trạng của một tập quán triết học khả thể tri nhận nguyên lý của từng khoa học, sự nối kết hài hoà giữa các khoa học với nhau. Hoá ra, tâm trí và những năng lực của nó khả thể giải phóng con người khỏi những ràng buộc của ngoại cảnh.

Cuối cùng, như một dấu chỉ cho niềm hy vọng. Phát xuất từ mối bận tâm đặc biệt dành cho giáo dục, cùng với tâm trí rộng mở, và óc quan sát tinh tế, Newman đã thâm nhận những tư tưởng giáo dục tỏ ra đối chọi nhau đương thời, từ đó dung hoà chúng trong một hệ thống tư tưởng của riêng mình đặt nền trên tính thống nhất của tri thức và nhắm chỉ tới tập quán triết học. Đây chẳng phải là cung cách làm việc của một chủ thể với tập quán triết học trong tâm trí?

²⁶¹ Fareed Zakaria, *op.cit.*, 12

²⁶² Wang Chen, *op.cit.*, 31

²⁶³ Fareed Zakaria, *op.cit.*, 164-165

2. Một vài bất cập

Không thể phủ nhận những đóng góp trong tư tưởng giáo dục theo John Henry Newman, tuy nhiên, có lẽ sẽ không thật đầy đủ nếu không làm rõ một vài nhập nhằng trong đó.

Trong lời giới thiệu của *Ý Niệm Của Một Đại Học*, Newman cho rằng đại học nhắm tới sự giảng dạy (teaching) tri thức hơn là bội tăng (advancement) nó qua việc nghiên cứu.²⁶⁴ Tuy nhiên, sau đó Newman lại dành ưu tiên cho việc nghiên cứu các lĩnh vực chuyên môn.²⁶⁵ Thiết nghĩ, khi nhấn mạnh đến yếu tố giảng dạy, Newman đang đề cập đến vấn đề thông truyền chân lý một cách sống động cá vị giữa giảng sư và người học, “chân lý cần được truyền bá.”²⁶⁶ Nhưng, việc truyền bá thôi không đủ để thấu hiểu chân lý vốn tiềm tàng trong các lĩnh vực tri thức, do đó, Newman tiếp tục bàn đến vấn đề nghiên cứu, qua đó người học dần thân một cách chủ động trong việc thân nhận chân lý. Có thể nói, sứ mệnh của giáo dục (đại học) theo Newman mang ý nghĩa của giảng dạy và nghiên cứu.²⁶⁷

Tương tự, giáo dục khai phóng theo Newman, không phải là nơi để dạy luân lý, hay tôn giáo²⁶⁸, “tri thức là một chuyện còn đức hạnh là chuyện khác”²⁶⁹. Tuy nhiên, sau này ông đặt đề chủ thể với tập quán triết học liền kề với một số phẩm tính có chiều hướng luân lý như sự bình tâm, bao dung, khả năng phân định...²⁷⁰ Kỳ thực, Newman vẫn giữ nguyên việc mưu cầu tri thức trong một nền giáo dục vì giá trị tự thân của nó, những nhân đức mà Newman đề cập hầu chắc được tri nhận như là những nhân đức tự nhiên vốn phát sinh trong tiến trình truy tìm chân lý cách đúng đắn hơn là những nhân đức tôn giáo.²⁷¹ Đó là nhân đức của sự kỷ luật trong diễn ngôn Kỷ Luật của Tâm Trí²⁷², là sự tự do nghiên cứu và liêm khiết trong học thuật, là lòng tự tin, là sự tôn trọng đồng nghiệp.²⁷³

Tiếp đến, hẳn không ít người đặt vấn đề tại sao Newman lại tỏ ra ưu ái yếu tố “khai phóng” người học ở giáo dục đại học, trong khi nó cũng cần thiết cho những tiến trình giáo dục ở những bậc thấp hơn. Thiết nghĩ, Newman nhấn mạnh đến giáo dục đại học bởi vì nhu cầu cải cách giáo dục đại học đang lên thời đó, hơn nữa, trong *Ý Niệm của một Đại học*, ông cũng đã chỉ ra sự cần thiết phải khai phóng trẻ em ngang qua giáo dục.²⁷⁴ Hầu chắc, đối với Newman, những đặc nét của một tâm trí đã được trui rèn phải là thành quả của rất nhiều những hoạt động giáo dục khác trong tiến trình phát triển của con người không thể chỉ bị giới hạn trong định chế đại học.²⁷⁵

3. Kết Luận

Những điểm sáng trong những tư tưởng về giáo dục của Newman không chỉ là một sự đáp ứng kịp thời cho những biến động của những ý niệm giáo dục đương thời, nhưng còn là một sự bội tăng những giá trị nhân văn cao quý cho một nền giáo dục đã tồn tại và đang phát triển cho đến

²⁶⁴ Cf. John Henry Newman, *The Idea of a University*, viii

²⁶⁵ Ibid., 476 (và Leslie Armour, *op.cit.*, chú thích 3)

²⁶⁶ Nguyễn Xuân Xanh, *op.cit.*, 371

²⁶⁷ Jaroslav Pelikan, *op.cit.*, 98, 79

²⁶⁸ John Henry Newman, *The Idea of a University*, ix- x

²⁶⁹ Ibid., 120

²⁷⁰ “Newman's Theory of a Liberal Education: A Reassessment and its Implications,” D. G. Mulcahy, accessed on March 05, 2021, <https://onlinelibrary.wiley.com/doi/abs/10.1111/j.1467-9752.2008.00624.x>

²⁷¹ Jaroslav Pelikan, *op.cit.*, 48

²⁷² John Henry Newman, *The Idea of a University*, 489

²⁷³ Jaroslav Pelikan, *op.cit.*, 49- 56

²⁷⁴ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 93

²⁷⁵ Ibid.,

ngày nay: Giáo dục khai phóng. Khởi đi từ tính thống nhất của tri thức, Newman khảo sát bản tính con người, sự cần thiết của một nền giáo dục khả thể tương xứng với phẩm giá nhân linh siêu vượt đó.

Dù đồng ý hay không đồng ý, thật khó có thể phủ nhận rằng John Henry Newman đã cung cấp những từ vựng căn bản, những nhân tố nền tảng có sức hướng dẫn và duy trì lý thuyết về giáo dục khai phóng cho đến hiện nay.²⁷⁶ Quả thế, nhân loại đang sống trong thời đại đòi hỏi sự chuyên môn hoá ngày càng cao. Thiết nghĩ sẽ không quá hàm hồ khi nói rằng, chính sự chuyên môn hoá thái quá đang có xu hướng làm xói mòn phẩm giá con người: Giáo dục chỉ nhắm tới việc gặt hái thành tích thực dụng; Giới trẻ không còn tò mò ham biết những vấn đề thuộc trí tuệ...khám phá những câu hỏi lớn hơn về ý nghĩa cuộc đời và không sẵn sàng có tư tưởng phiêu lưu trong lãnh vực trí tuệ.²⁷⁷ Ở một mức độ nào đó, cảm thức thực sự về một hình mẫu lý tưởng trong giáo dục đang dần bị mai một đi... “chúng ta đang chết chìm trong thông tin trong lúc đang đói khát hiểu biết”²⁷⁸. Lúc này quả thật cuộc đời và những tác phẩm của Newman về giáo dục [vốn đề cao phẩm giá con người, sự phản tư và năng lực sáng tạo của tâm trí] cung cấp một khuôn mẫu và sức sống, một gọi hứng lớn lao.²⁷⁹

Newman đã nói, những ý niệm đích thực sẽ không ngừng phát triển và được kiện toàn cùng với những biến chuyển, thách đố của thời gian cho đến khi phản ảnh chân lý nơi nó được trở nên rõ rệt hơn. Những khảo sát về ý niệm về giáo dục khai phóng của Newman được trình bày trong luận văn này, thiết nghĩ mới chỉ dừng lại ở những khía cạnh căn bản. Hầu chắc tư tưởng giáo dục của Newman còn chứa đựng nhiều những khả thể giáo dục khác nữa.²⁸⁰ Điều này mở ra một tiến trình giáo hoá tâm trí mới cho những ai có mối bận tâm về giáo dục, và đã sẵn sàng cho một cuộc phiêu lưu trí tuệ .

Thư Mục Tham Khảo

Primary Sources:

- Newman, John Henry. *An Essay on the Development of Christian Doctrine*. walang petsa.
 —. *Rise & Progress of Universities*. walang petsa.
 —. *An Essay On The Development Of Christian Doctrine*. Notre Dame: University Of Notre Dame Press, 1878.
 —. *Apologia Pro Vita Sua Being A History of his Religious Opinions*. London: Longmans, Green, 1890.
 —. *Lecture 7. Assumed Principles the Intellectual Ground of the Protestant View*. 2001. <https://www.newmanreader.org/works/england/lecture7.html#top> Lecture 7 (accessed March 10, 2021).

²⁷⁶ D. G. Mulcahy, *op.cit.*

²⁷⁷ Nguyễn Xuân Xanh, *op.cit.*, 170

²⁷⁸ Fareed Zakaria, *op.cit.*, 5

²⁷⁹ “An Introduction to John Henry Newman,” Michael Pakalu, accessed March 06, 2021, https://www.academia.edu/41101086/An_Introduction_to_John_Henry_Newman

²⁸⁰ D. G. Mulcahy, *op.cit.*

- . Rise & Progress of Universities. 2007. <https://www.newmanreader.org/works/historical/volume3/universities/chapter2.html> (accessed March 04, 2021).
- . Sermon 6. The Individuality of the Soul. 2001. <http://www.newmanreader.org/works/parochial/volume4/sermon6.html> (accessed March 15, 2021).
- . The Idea of a University. Lon Don: Longman Green, 1886.
- . An Essay In Aid Of A Grammar Of Assent. London: Burn, 18740.

Secondary Sources:

- Aristotle. *Metaphysic*. Na-translate ni C.D.C Reeve. US: Hackett Publishing Company, 2016.
- Bailey, Charles. *Beyond the Present and the Paritucular: A Theory of Liberal Education*. London, Boston, Melbourne and Henley:: Reoutledg & Kegan Paul, 1984.
- Chen, Wang. *Criticisms of the University of Oxford in the Early 19th Century and the Formation of Newman's Idea of a University: Focusing on attacks in the Edinburgh Review*. 2017. <http://doi.org/10.15027/42950> (accessed January 13, 2021).
- Culler, A. Dwight. *Imperial Intellect A Study Of Newman's Educational Ideal*. New Haven: Yale Univeristy Press, 1955.
- Deboick, Sophia. *Newman suggests a university's 'soul' lies in the mark it leaves on students*. 2010. <https://www.theguardian.com/commentisfree/2010/oct/20/john-henry-newman-idea-university-soul>. (accessed March 05, 2021).
- Frey, Reed. “Cor Ad Cor Loquitur: The Philosophical Personalism Of John Henry Newman.” 2015.
- Gilley, Sheridan. *Newman In His Age*. London: Darton, Longman, and Todd, 2003.
- Hồng, Thích Nguyễn. *Giáo dục học*. Hồ Chí Minh: ĐH Vạn Hạnh, 1965.
- Jaramillo, Dr. Eileen. *John Henry Newman: The Making Of A Saint And Its Relevance For Today*. https://www.academia.edu/40288149/JOHN_HENRY_NEWMAN_THE_MAKING_OF_A_SAIN_T_AND_ITS_RELEVANCE_FOR_TODAY (accessed 01 15, 2021).
- Ker, Father Ian. *Newman on Education*. 2008. <https://newmansociety.org/newman-on-education/> (accessed 01 12, 2020).
- Lawler-Brunner. “On New Rhetoric, John Henry Newman and the Language of Metaphors: Implications for Branding Higher Education.” 2012. (accessed 01 01, 2021).
- Leslie Armour, , (University of Ottawa). “Newman's Theory of Ideas.” *Paideusis*, 2020.
- Locke, John. *Vài Suy Nghĩ Về Giáo Dục*. Trans. Dương Văn Hóa. HCM: Tri Thức, 2017.
- M. Katherine Tillman. “Some Aspects of Human Nature As Viewed by Cardinal John Henry Newman.” 2007.
- Marchetto. “Religious Education and John Henry Newman’s Idea of a University.” *Italian Journal of Sociology of Education*, 2015: 189.

- Mathie, John Goyette and William. "The Idea Of A Catholic University: Newman On The Role Of Theology In A Liberal Education." *Maritain Studies* 16, 2016: 71-91.
- McNerney, Fr. John. *Heart Speaks to Heart: Saint John Henry Newman's Educational Ideals*. 2020. <https://ihe.catholic.edu/heart-speaks-to-heart-st-john-henry-newmans-educational-ideals/> (accessed March 04, 2021).
- Mulcahy, D. G. *Newman's Theory of a Liberal Education: A Reassessment and its Implications*. walang petsa. <https://onlinelibrary.wiley.com/doi/abs/10.1111/j.1467-9752.2008.00624.x> (accessed 03 05, 2021).
- Naomi Zack, Ph.D. *The Handy Philosophy Answer Book*. English: Visible Ink Press, 2010.
- Office, UCD President's. *University History*. walang petsa. <https://www.ucd.ie/president/universityhistory/> (accessed 01 15, 2021).
- Pakalu, Michael. *An Introduction to John Henry Newman*. 2019. https://www.academia.edu/41101086/An_Introduction_to_John_Henry_Newman (accessed March 06, 2021).
- Pelikan, Jaroslav. *The Idea Of The University A Reexamination*. New Haven and London: Yale University Press, 1992.
- Petitpas, Harold M. *Newman's Universe Of Knowledge: Science, Literature, And Theology*. 1967. https://dalspace.library.dal.ca/bitstream/handle/10222/59130/dalrev_vol46_iss4_pp494_507.pdf?sequence=1&isAllowed=y (accessed 01 20, 2021).
- Rupert, M. Jane. *John Henry Newman on Education*,. Canada, 1998.
- S.E. Frost, JR., Ph.D. *Những vấn đề cơ bản của Triết học*. Trans. Kiến Văn Đông Hương. Hà Nội: Bách Khoa, 2008.
- Sidwell, Anthony O'Hear and Marc. *The School of Freedom A Liberal Education Reader from Plato to the Present Day*. Imprint Academic, 2009.
- Son, Bùi Văn Nam. *Trò Chuyện Triết Học 7- Các Bài về Giáo Dục*. HCM: Cty Sách Thời Đại & Tri Thức, 2017.
- . *Ý niệm đại học như một giá trị cốt lõi*. 2020. <https://hpdf.vn/vn/y-niem-dai-hoc-nhu-mot-gia-tri-cot-loi-bui-van-nam-son/> (accessed March 10, 2021).
- Tanzella-Nitti, Giuseppe. *Unity of knowledge*. 2002. <http://inters.org/unity-of-knowledge> (Na-access March 10, 2021).
- Tillman, Mary Katherine. "The Philosophic Habit of Mind: Aristotle and Newman on the End of Liberal Education." *University of Notre Dame*, 2020.
- Tomas Alvira, Luis Clavell, Tomas Melendo. *Siêu Hình Học*. Trans. Bảo Ngọc. 2008.
- Vele, Fr. Juan. *Development of an idea and of doctrine Cardinal Newman*. 2014. <https://www.cardinaljohnhenrynewman.com/development-of-an-idea-and-of-doctrine-cardinal-newman/> (accessed March 02, 2021).
- Walker, Anne-Marie. *Education In The Large Sense: Newman's Vision Of Education*. 2019. <https://thornycroft.org.uk/education-in-the-large-sense-newmans-vision-of-education/> (accessed January 13, 2020).

Xanh, Nguyễn Xuân. *Đại học- Định chế giáo dục cao thay đổi thế giới từ Trung Cổ đến Hiện đại*. HCM: Tổng Hợp Tp HCM, 2019.

XVI, Benedict. “Prayer Vigil On The Eve Of The Beatification Of Cardinal John Henry Newman.” 2010.

Zakaria, Fareed. *Biện hộ cho một nền Giáo dục Khai phóng*. Trans. Châu Văn Thuận. Hà Nội: Thời Đại & Hồng Đức, 2017.

Về tác giả

Giuse Trần Xuân Mỹ, tu sĩ Dòng Tên Việt Nam, hiện là sinh viên tại Học Viên Thánh Giuse Dòng Tên Việt Nam.

Joseph Tran Xuan My, a brother of the Society of Jesus, Vietnam, is a student of Theology at Saint Joseph Jesuit Scholasticate, Vietnam

PHỤ LỤC 1: Vai Trò Của Thần Học Trong Giáo Dục Khai Phóng

Nên hay không giảng dạy thần học trong đại học đã trở thành đề tài được tranh luận khá sôi nổi trong thời của Newman. Tại thời điểm đó, không ít những thể chế giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học có mục đích đào tạo hàng giáo sĩ cho giáo hội Anh giáo, Công giáo. Trước làn sóng phát triển của chủ nghĩa duy nghiệm và sự bành trướng của khoa học thời cận đại, nhiều nhà cải cách có chủ kiến xem nhẹ thần học, thậm chí bài trừ nó ra khỏi chương trình giảng dạy. Trên cương vị là Viện trưởng của Đại học Công giáo Ireland, đồng thời là nhà giáo dục cổ vũ cho nền giáo dục khai phóng, Newman cho rằng thần học cần thiết phải được giảng dạy trong giáo dục đại học không như một lĩnh vực tri thức đơn thuần.

Theo tinh thần của giáo dục khai phóng trong đại học, thần học phải có mặt trong chương trình giảng dạy. Newman lập luận: Đại học là nơi giảng dạy tri thức phổ quát, là nơi gặp gỡ của tất cả các ngành khoa học, thần học vốn dĩ là một lĩnh vực tri thức, một khoa học đích thực²⁸¹, nên đại học giảng dạy thần học là điều tất nhiên. Việc loại trừ thần học sẽ làm xáo trộn trật tự các lĩnh vực tri thức trong vòng tròn tri thức.²⁸² Quả vậy, theo Newman trong sự phổ quát của tri thức, mỗi lĩnh vực đều có giá trị riêng, không thể bị thay thế hay xâm lấn bởi các lĩnh vực tri thức khác.

Dưới nhãn quan tôn giáo, Newman cho rằng Thiên Chúa là cội nguồn tối hậu của tính thống nhất của tri thức (các khoa học). Chủ đề chung của các khoa học khác nhau mức lấy sự thống nhất từ Thiên Chúa vì sự suy nghiệm về thế giới theo một nghĩa nào đó đưa tới sự suy nghiệm về Thiên Chúa như là cùng đích tối hậu của nó.²⁸³ Newman cho rằng các khoa học khả thể suy nghiệm đầy đủ và chính xác về thế giới cùng một trật tự với sự suy nghiệm về sự hiện diện, sự quan phòng, và những dấu ấn của Thiên Chúa nơi đó.²⁸⁴ Tất cả các khoa học tất thiết phải nhắm chỉ đến việc khảo sát Thiên Chúa dù trực tiếp hay gián tiếp.²⁸⁵ Theo đó thần học nắm giữ vị trí tiên phong vì đối tượng nghiên cứu trực tiếp của thần học là chính Thiên Chúa vốn ẩn tàng trong đối tượng nghiên cứu của tất cả các khoa học.²⁸⁶

Theo Newman, thần học khả thể hoàn thành vị trí tiên phong của nó dưới thẩm quyền của Giáo Hội phổ quát, trong tinh thần Công giáo (Catholic).²⁸⁷ Trái lại, thần học sẽ chỉ được xem như những lĩnh vực tri thức khác “đặt nền trên một sự trừ tượng hoá vốn bất toàn và phiến diện”²⁸⁸ Để làm sáng tỏ điều này, Newman trung dẫn “Toà án dị giáo Tây Ban Nha” (the Spanish Inquisition)²⁸⁹ vốn dĩ được điều hành bởi các thần học gia, nhiệt thành cho chân lý thần học, nhưng không hoàn toàn quy phục Giáo Hội, nên trở thành công cụ của nhà nước, phục vụ cho những mưu đồ thế tục.²⁹⁰ Tóm lại, theo quan điểm của Newman, Giáo Hội là sự cần thiết đảm bảo cho thần học thi hành chức năng tiên phong của mình trong vòng tròn tri thức.

²⁸¹ John Henry Newman, *The Idea of a University*, (Lon Don: Longman Green, 1886), 52

²⁸² Ibid., 55

²⁸³ John Goyette and William Mathie, *The Idea Of A Catholic University: Newman On The Role Of Theology In A Liberal Education*, 76-80

²⁸⁴ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 38

²⁸⁵ John Goyette and William Mathie, op.cit., 76

²⁸⁶ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 26

²⁸⁷ “Newman on Education,” Ian Ker, accessed January 12, 2021, <https://newmansociety.org/newman-on-education/>

²⁸⁸ John Goyette and William Mathie, op.cit, 88

²⁸⁹ John Henry Newman, *The Idea of a University*, 215

²⁹⁰ “Newman on Education,” Ian Ker, accessed January 12, 2021, <https://newmansociety.org/newman-on-education/>

Về phương diện giáo dục, Newman đã dành khá nhiều thời lượng để bàn về vị trí của thần học trong chương trình giảng dạy. Thiết nghĩ đây không chỉ là động thái phản kháng lại thái độ bài trừ các chân lý tôn giáo ra khỏi chương trình giảng dạy đại học thời đó, cho bằng mở ra một viễn tượng mới cho việc giảng dạy tri thức phổ quát trong tinh thần Công giáo, trong xác tín về một Chân lý vĩnh hằng là phần thưởng cho một thái độ mưu cầu tri thức vì chính lợi ích của nó vượt lên trên những toan tính thế tục.

PHỤ LỤC 2: Lợi Ích Căn Bản Của Tam Khoa²⁹¹

Trong thời gian Newman làm Viện trưởng, chương trình giảng dạy của Đại học Công giáo Ireland dành ra khoảng hai năm để sinh viên theo học các môn học khai phóng, bao gồm: *Trivium* (Tam khoa)- ngữ pháp, hùng biện, luận lý học, và *Quadrivium* (Tứ khoa)- số học, hình học, thiên văn học, âm nhạc.²⁹²

Bảy môn học khai phóng (liberal arts) được hệ thống và chính thức hoá vào thế kỷ thứ nhất TCN, triết gia Cicero (106-43 TCN) được xem là triết gia sử dụng thuật ngữ “các môn học khai phóng đầu tiên”. Vào thời đó, bảy môn khai phóng được xem như bảy cột trụ đưa tới sự khôn ngoan triết học: Con số bảy biểu trưng cho sự hoàn hảo, mang tính phổ quát; Các lĩnh vực lý thuyết, thực tiễn, cơ học, và luận lý bao hàm trong bảy môn khai phóng khả thể chứa đựng tất cả các loại tri thức.²⁹³

Trong bài viết ngắn này, người viết khảo vấn giá trị giáo dục của Tam khoa (Trivium) bao gồm ngữ pháp, hùng biện, luận lý học.

Trước hết, ngữ pháp là trường dạy tư duy. Việc học ngữ pháp đòi hỏi người học phải trui rèn “cách viết như thế nào và viết làm cho người học suy nghĩ”. Viết là cách để tạo kết nối giữa suy nghĩ và từ ngữ, muốn viết rõ ràng thì trước hết phải suy nghĩ rõ ràng. Hành động viết là quá trình chọn lọc sắp xếp các ý tưởng dựa trên các nguyên tắc ngữ pháp. Quá trình này đòi hỏi tâm trí phải làm việc cách chủ động trong việc tư duy và sắp xếp các suy nghĩ một cách có trình tự.

Thứ đến, hùng biện nhắm đến khả năng diễn đạt tình trạng tâm trí một cách thấu đáo bằng ngôn từ có chọn lọc. Thuật hùng biện là một trong những môn học quan trọng nhất được giảng dạy trong các thế kỷ đầu khai sinh của giáo dục khai phóng. Những diễn ngôn là phần cốt lõi của đời sống công cộng trong nhiều giai đoạn lịch sử nhân loại. Quả thế, hùng biện sẽ giúp người học có khả năng đối thoại với người khác, “đó là một nghệ thuật sáng tạo tuyệt vời, trong đó con người chuyển dịch cảm xúc vào lý trí và chia sẻ với người đồng loại của mình những suy nghĩ tận đáy lòng và những lý tưởng đã tạo thành nền văn minh”.

Cuối cùng, luận lý học giúp người học tự sửa soạn mình để thấu nhận các lĩnh vực tri thức khác nhau. Luận lý học có triển vọng đem đến cho người học những phương pháp tư duy, phương pháp học để tiếp cận các vấn đề tri thức đa dạng. Ngang qua luận lý học, tâm trí người học vận hành theo cách thức thấu nhận những khía cạnh khác nhau của nhiều lĩnh vực tri thức qua sự đối chiếu, so sánh, từ đó tạo lập nên những kỹ năng trí tuệ tri nhận cách thức tâm trí xây dựng và tái dựng kiến thức.

Cùng với các môn Tứ khoa trong bảy môn khai phóng, các môn Tam khoa là những nền tảng giúp người học trui rèn những tài năng tâm trí, cụ thể qua việc rèn tập tư duy phản biện, diễn đạt tư tưởng một cách có chọn lọc và hợp lý thông qua ngôn từ và văn bản.

²⁹¹ Cf. Fareed Zakaria, *Biện hộ cho một nền Giáo dục Khai phóng*, Chương III: Học Để Tư Duy, trans. Châu Văn Thuận, (Hà Nội: Thời Đại & Hồng Đức, 2017), 87- 122

²⁹² John Henry Newman, *The Idea of a University*, 259

²⁹³ A. Dwight Culler, *The Imperial Intellect*, (New Haven: Yale University Press, 1955), 184

Vài nét về Hội Dòng

Dòng Tên (Dòng Chúa Giêsu) được thành lập vào năm 1540 bởi Thánh Inhã Loyola và các bạn đồng hành. Sứ mạng của Dòng Tên là sứ mạng hòa giải, nỗ lực để con người có thể giao hòa với Thiên Chúa, với chính mình, với nhau và với công trình sáng tạo của Thiên Chúa. Dòng Tên được chính thức thành lập vào năm 1540 bởi Thánh Inhã Loyola với sự phê chuẩn của Đức Giáo hoàng Phaolô III. Thánh Inhã đã quy tụ quanh mình một nhóm những người đàn ông nhiệt huyết và có học vấn cao, những người không khao khát điều gì hơn là giúp đỡ người khác tìm thấy Thiên Chúa trong cuộc đời họ. Kế hoạch ban đầu của Thánh Inhã là các tu sĩ Dòng Tên sẽ trở thành những nhà truyền giáo lưu động, thực hiện việc giảng thuyết và cử hành các bí tích ở bất cứ nơi nào có hy vọng mang lại thiện ích lớn lao hơn. Kể từ khi thành lập, từ 10 thành viên ban đầu, Dòng đã phát triển lên đến hơn 15.000 tu sĩ trên toàn thế giới.

Brief introduction of the Jesuits

The Society of Jesus was founded in 1540 by Saint Ignatius Loyola and his companions. The Jesuit mission is a mission of reconciliation, working so that women and men can be reconciled with God, with themselves, with each other and with God's creation. The Society of Jesus was founded in 1540 by St. Ignatius Loyola with the approval of Pope Paul III. Ignatius Loyola had gathered around him an energetic band of well-educated men who desired nothing more than to help others find God in their lives. It was Ignatius' original plan that the Jesuits be travelling missionaries who would preach and administer the sacraments wherever there was the hope of accomplishing the greater good. Since its foundation the Order has grown from the original ten to more than 15,000 Jesuits worldwide.